

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH : NGÔN NGỮ ANH

MÃ NGÀNH : 7220201

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 576 /QĐ-UEF ngày 29/7/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **NGÔN NGỮ ANH**
- Tên tiếng Anh: **ENGLISH LANGUAGE**

Các chuyên ngành:

- Chuyên ngành 1. Giảng dạy tiếng Anh.
- Chuyên ngành 2. Biên phiên dịch tiếng Anh.
- Chuyên ngành 3. Tiếng Anh thương mại.
- Chuyên ngành 4. Tiếng Anh truyền thông.

Trình độ đào tạo: Đại học.

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh
- Tên tiếng Anh: Bachelor of English Language

Hình thức đào tạo: Chính quy.

Bậc trình độ: Bậc 6 Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Khóa học áp dụng: 2025 - 2029.

1.2. Mục tiêu đào tạo:

a) Mục tiêu chung (Program Goals)

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh theo định hướng nghề nghiệp, có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe tốt; có kiến thức toàn diện, chuyên sâu về ngôn ngữ học (ngôn ngữ Anh), văn học, văn hóa các nước sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ chính thống, có kiến thức bổ trợ cần thiết; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo; kỹ năng công nghệ thông tin và ngoại ngữ 2 tốt; có khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, có năng lực tự học, tự nghiên cứu, hội nhập toàn cầu và thích nghi với sự biến đổi của môi trường tự nhiên và xã hội; có năng lực hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

b) Mục tiêu cụ thể (Program Objectives – POs)

- PO1 (Kiến thức). Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; kiến thức nền tảng và chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học (ngôn ngữ Anh), văn học và văn hóa các nước sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ chính thống và các kiến thức bổ trợ cần thiết để phục vụ yêu cầu công việc.

- PO2 (Kỹ năng). Trang bị, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thực hành tiếng Anh, kỹ năng thuyết trình, trình bày các loại văn bản khác nhau bằng tiếng Anh, kỹ năng dịch thuật, kỹ năng công nghệ thông tin và ngoại ngữ 2, ứng dụng kiến thức chuyên môn và liên ngành để giải quyết những vấn đề thực tế, kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm và hội nhập toàn cầu.

- PO3 (Mức tự chủ và trách nhiệm). Hình thành và phát triển cho sinh viên ý thức đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm cộng đồng; năng lực tư duy độc lập, sáng tạo và phối hợp với người khác trong học tập, nghiên cứu và làm việc, thích nghi với các môi trường làm việc đa văn hóa và hội nhập quốc tế.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện theo Quyết định số: 557/QĐ-UEF ngày 24/7/2025 về việc ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy, khóa 2025.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 125 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

STT	Khối kiến thức	Khối lượng kiến thức			
		Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tỉ lệ %
1	Kiến thức giáo dục đại cương	35	23	12	28,0%
1.1	Khoa học xã hội	6	6	-	
1.2	Khoa học chính trị	11	11	-	
1.3	Pháp luật	3	3	-	
1.4	Tin học	3	3	-	
1.5	Ngoại ngữ 2 (tiếng Anh/ Pháp/ Hàn/ Trung)	12	-	12	
2	Kiến thức cơ sở ngành	18	18	-	14,4%
3	Kiến thức chuyên ngành	51	36	15	40,8%
4	Kiến thức bổ trợ	12	6	6	9,6%
5	Thực tập thực tế	9	3	6	7,2%
6	Kiến thức không tích lũy				
6.1	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ)			√	
6.2	Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết)		√		
	Tổng cộng	125	86 (68,8%)	39 (31,2%)	

2.2. Khung chương trình:

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
1. Kiến thức giáo dục đại cương						35							
1.1. Khoa học xã hội						6							
1.1.1	ENC1121E	Giao tiếp liên văn hóa	Cross-cultural Communication	BB	E	3	3						x
1.1.2	LIN1109E	Ngôn ngữ và xã hội	Language and Society	BB	E	3	3						x
1.2. Khoa học chính trị						11							
1.2.1	POL1111	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	BB		3	3						
1.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	BB		2	2						
1.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	BB		2	2						
1.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	BB		2	2						
1.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	BB		2	2						
1.3. Pháp luật						3							
1.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	BB		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
1.4. Tin học						3							
1.4.1	ITE1292	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	Informatics and Applied Artificial Intelligence	BB		3	2	1					
1.5. Ngoại ngữ (Sinh viên chọn 1 trong 4 nhóm sau)						12							
		Nhóm 1: Tiếng Nhật											
1.5.1.1	JPN3201	Tiếng Nhật 1	Japanese 1	TC		3	3						
1.5.2.1	JPN3202	Tiếng Nhật 2	Japanese 2	TC		3	3				JPN3201		
1.5.3.1	JPN3203	Tiếng Nhật 3	Japanese 3	TC		3	3				JPN3202		
1.5.4.1	JPN3204	Tiếng Nhật 4	Japanese 4	TC		3	3				JPN3203		
		Nhóm 2: Tiếng Pháp											
1.5.1.2	FRA3201	Tiếng Pháp 1	French 1	TC		3	3						
1.5.2.2	FRA3202	Tiếng Pháp 2	French 2	TC		3	3				FRA3201		
1.5.3.2	FRA3203	Tiếng Pháp 3	French 3	TC		3	3				FRA3202		
1.5.4.2	FRA3204	Tiếng Pháp 4	French 4	TC		3	3				FRA3203		
		Nhóm 3: Tiếng Hàn											
1.5.1.3	KOR3201	Tiếng Hàn 1	Korean 1	TC		3	3						
1.5.2.3	KOR3202	Tiếng Hàn 2	Korean 2	TC		3	3				KOR3201		
1.5.3.3	KOR3203	Tiếng Hàn 3	Korean 3	TC		3	3				KOR3202		

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
1.5.4.3	KOR3204	Tiếng Hàn 4	Korean 4	TC		3	3				KOR3203		
		Nhóm 4: Tiếng Trung											
1.5.1.4	CHI3201	Tiếng Trung 1	Chinese 1	TC		3	3						
1.5.2.4	CHI3202	Tiếng Trung 2	Chinese 2	TC		3	3				CHI3201		
1.5.3.4	CHI3203	Tiếng Trung 3	Chinese 3	TC		3	3				CHI3202		
1.5.4.4	CHI3204	Tiếng Trung 4	Chinese 4	TC		3	3				CHI3203		
2. Kiến thức cơ sở ngành						18							
2.1	ENC1118	Phát âm	Pronunciation	BB		3	2	1					
2.2	ENC1132	Ngữ pháp	Grammar	BB		3	2	1					
2.3	ENC1133	Kỹ năng nghe	Listening	BB		3	2	1					
2.4	ENC1134	Kỹ năng nói	Speaking	BB		3	2	1					
2.5	ENC1135	Kỹ năng đọc hiểu	Reading	BB		3	2	1					
2.6	ENC1136	Kỹ năng viết	Writing	BB		3	2	1					
3. Kiến thức chuyên ngành						51							
3.1	ENC1138	Ngữ pháp nâng cao	Advanced Grammar	BB		3	2	1			ENC1132		x
3.2	ENC1139	Kỹ năng nghe nâng cao	Advanced Listening	BB		3	2	1			ENC1133		x
3.3	ENC1140	Kỹ năng đọc hiểu nâng cao	Advanced Reading	BB		3	2	1			ENC1135		x

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
3.4	ENC1141	Kỹ năng viết nâng cao	Advanced Writing	BB		3	2	1			ENC1136		x
3.5	ENC1142	Kỹ năng nói trước công chúng	Public Speaking	BB		3	2	1			ENC1134		x
3.6	ENC1143	Kỹ năng đọc tiếng Anh thương mại	Business Reading	BB		3	2	1			ENC1140		x
3.7	ENC1144	Kỹ năng viết tiếng Anh thương mại	Business Writing	BB		3	2	1			ENC1141		x
3.8	ENC1127E	Biên dịch	Translation	BB	E	3	2	1					x
3.9	ENC1130E	Nhập môn ngôn ngữ học	Introduction to Linguistics	BB	E	3	3						x
3.10	RES1101E	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research Methodology	BB	E	3	2	1					x
3.11	LIT1101E	Văn học Anh-Mỹ	British and American Literatures	BB	E	3	3						x
3.12	PUR1116E	Mạng xã hội và truyền thông tương tác	Social Media and Interactive Communications	BB	E	3	3						x
		<i>Sinh viên chọn 1 trong 4 chuyên ngành sau</i>											

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
Chuyên ngành 1.		Giảng dạy tiếng Anh	English Language Teaching										
3.13.1	ENC1124E	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1	English Language Teaching 1	TC	E	3	3						x
3.14.1	ENC1125E	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2	English Language Teaching 2	TC	E	3	2	1					x
3.15.1	ENC1145E	Kỹ năng tổ chức lớp học	Classroom Skills	TC	E	3	2	1					x
3.16.1	ENC1146E	Thực hành giảng dạy	Teaching Practice	TC	E	3	1	2					x
3.17.1	ENC1147E	Phát triển tài liệu học tập	Materials Development	TC	E	3	2	1					x
Chuyên ngành 2.		Biên phiên dịch tiếng Anh	English Translating and Interpreting										
3.13.2	TRA1103E	Lý thuyết dịch	Theory of Translation	TC	E	3	3						x
3.14.2	ENC1116E	Kỹ thuật phiên dịch	Techniques in Interpreting	TC	E	3	2	1					x
3.15.2	LIN1104E	Dịch thuật, ngôn ngữ và văn hóa	Translation, Linguistics, and Culture	TC	E	3	2	1					x

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
3.16.2	LIN1103E	Ngữ nghĩa học	Semantics	TC	E	3	3						x
3.17.2	ENC1148E	Dịch văn bản thương mại	Business Translation	TC	E	3	1	2					x
Chuyên ngành 3.		Tiếng Anh thương mại	Business English										
3.13.3	MKT1101E	Marketing căn bản	Principles of Marketing	TC	E	3	3						x
3.14.3	MGT1142E	Hành vi tổ chức	Organizational Behavior	TC	E	3	3						x
3.15.3	MGT1111E	Quản trị kinh doanh quốc tế	International Business Management	TC	E	3	3						x
3.16.3	MGT1110E	Quản trị nguồn nhân lực	Human Resource Management	TC	E	3	3						x
3.17.3	MKT1135E	Digital marketing	Digital Marketing	TC	E	3	3						x
Chuyên ngành 4.		Tiếng Anh truyền thông	English for Communication										
3.13.4	PUR1103E	Quan hệ công chúng nội bộ và cộng đồng	Internal Communication and Community Relations	TC	E	3	3						x
3.14.4	COT1107E	Thiết kế nội dung truyền thông	Media Content Creation	TC	E	3	3						x

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
3.15.4	JOU1206E	Tin và phóng sự	News and Feature Writing	TC	E	3	3						x
3.16.4	PUR2131E	Truyền thông marketing	Marketing Communication	TC	E	3	3						x
3.17.4	PUR1114E	Xử lý khủng hoảng truyền thông	Crisis Communication	TC	E	3	3						x
4. Kiến thức bổ trợ						12							
4.1	SKI1107	Project design 1	Project Design 1	BB		3	3						x
4.2	SKI1108	Project design 2	Project Design 2	BB		3	3				SKI1107		x
		Sinh viên chọn 2 trong các học phần sau											
4.3	DMK1101	Công dân số	Digital Citizenship	TC		3	3						
4.4	ECO1113	Công dân toàn cầu	Global Citizenship	TC		3	3						
4.5	JPN1163	Đặc nhân tâm phong cách Nhật Bản	Japanese Concepts to Win Friends and Influence People	TC		3	3						
4.6	JPN1108	Đất nước học Nhật Bản	Country Studies of Japan	TC		3	3						
4.7	CHI1122	Đất nước học Trung Quốc	Country Studies of China	TC		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
4.8	ECO1108	Địa lý kinh tế thế giới	World Economics Geography	TC		3	3						
4.9	PSY1137	Giáo dục sức khỏe tinh thần	Mental Health Education	TC		3	3						
4.10	BUS1115	Khởi nghiệp	Entrepreneurship	TC		3	3						
4.11	LAW1195	Luật công bằng và tín thác	Equity and Trust Law	TC		3	3						
4.12	LAW1111	Luật thương mại	Commercial Law	TC		3	3						
4.13	LAW1116	Luật quốc tế	International Law	TC		3	3						
4.14	GPD1135	Nghệ thuật học cơ bản	The Basic of Arts	TC		3	3						
4.15	HRM1111	Nghệ thuật lãnh đạo	Arts of Leadership	TC		3	3						
4.16	HMM1137	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp	Professional Personal Branding	TC		3	3						
4.17	IRE1130	Nghệ vụ ngoại giao	Diplomatic Protocol	TC		3	3						
4.18	DAS1125	Nhập môn chuyển đổi số	Introduction to Digital Transformation	TC		3	3						
4.19	IRE1108	Những vấn đề toàn cầu	Global Issues	TC		3	3						
4.20	DAS1124	Phân tích dữ liệu ứng dụng	Applied Data Analytics	TC		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
4.21	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp	Enterprises Law	TC		3	3						
4.22	IRE1151	Phát triển bền vững	Sustainable Development	TC		3	3						
4.23	FIN1152	Quản lý tài chính cá nhân	Personal Financial Management	TC		3	3						
4.24	IBU1115	Quản trị chiến lược toàn cầu	Global Strategic Management	TC		3	3						
4.25	PSY1103	Tâm lý giao tiếp	Communication Psychology	TC		3	3						
4.26	ADS1101	Thuyết trình sáng tạo	Creative Presentation	TC		3	3						
4.27	DMK1114	Tư duy thẩm mỹ	Aesthetic Thinking	TC		3	3						
4.28	TOU1145	Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khánh tiết	Diplomatic Reception and Table Art	TC		3	3						
4.29	SOS1108	Văn hóa các nước Đông Nam Á	Cultures of Southeast Asia Countries	TC		3	3						
4.30	KOR1147	Văn hóa truyền thống Hàn Quốc	Korean Traditional Culture	TC		3	3						
4.31	IRE1138	Văn minh nhân loại	Human Civilization	TC		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
5. Thực tập thực tế						9							
5.1	ENC1322	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	BB		3				3			
		Sinh viên chọn Khóa luận hoặc học 02 học phần											
5.2	ENC1414	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	TC		6			6				
5.3	ENC1128E	Biên dịch nâng cao	Advanced Translation	TC	E	3	2	1			ENC1127E		
5.4	LIN1105E	Nhập môn ngôn ngữ học ứng dụng	Introduction to Applied Linguistics	TC	E	3	3				ENC1130E		
6. Kiến thức không tích lũy						3							
6.1. Giáo dục thể chất (sinh viên chọn 1 trong 5 nhóm sau)						3							
		Nhóm 1											
6.1.1.1	GYM1311	Giáo dục thể chất - Aerobic 1	Physical Education 1 - Aerobic	TC		1		1					
6.1.2.1	GYM1312	Giáo dục thể chất - Aerobic 2	Physical Education 2 – Aerobic	TC		1		1					
6.1.3.1	GYM1313	Giáo dục thể chất - Aerobic 3	Physical Education 3 - Aerobic	TC		1		1					
		Nhóm 2											

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
6.1.1.2	GYM1321	Giáo dục thể chất - Vovinam 1	Physical Education 1 - Vovinam	TC		1		1					
6.1.2.2	GYM1322	Giáo dục thể chất - Vovinam 2	Physical Education 2 - Vovinam	TC		1		1					
6.1.3.2	GYM1323	Giáo dục thể chất - Vovinam 3	Physical Education 3 - Vovinam	TC		1		1					
		<i>Nhóm 3</i>											
6.1.1.3	GYM1331	Giáo dục thể chất - Boxing 1	Physical Education 1 - Boxing	TC		1		1					
6.1.2.3	GYM1332	Giáo dục thể chất - Boxing 2	Physical Education 2 – Boxing	TC		1		1					
6.1.3.3	GYM1333	Giáo dục thể chất - Boxing 3	Physical Education 3 - Boxing	TC		1		1					
		<i>Nhóm 4</i>											
6.1.1.4	GYM1341	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 1	Physical Education 1 - Body-building	TC		1		1					
6.1.2.4	GYM1342	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 2	Physical Education 2 - Body-building	TC		1		1					
6.1.3.4	GYM1343	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 3	Physical Education 3 - Body-building	TC		1		1					

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
		<i>Nhóm 5</i>											
6.1.1.5	GYM1351	Giáo dục thể chất - Dancesport 1	Physical Education 1 - Dancesport	TC		1		1					
6.1.2.5	GYM1352	Giáo dục thể chất - Dancesport 2	Physical Education 2 – Dancesport	TC		1		1					
6.1.3.5	GYM1353	Giáo dục thể chất - Dancesport 3	Physical Education 2 - Dancesport	TC		1		1					
6.2. Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)													
6.2.1	MIL1203	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Military Education	BB									

Ghi chú: BB: Bắt buộc; TC: Tự chọn; E: Học phần giảng dạy bằng Tiếng Anh; LT: Lý thuyết; TH: Thực hành; ĐA: Đồ án/ Khóa luận; TT: Thực tập, thực tế.

Học phần điều kiện (*): đánh dấu X - các học phần cốt lõi sinh viên phải học trước khi đăng ký Thực tập tốt nghiệp; Học phần Khóa luận tốt nghiệp đăng ký thực hiện song hành hoặc sau khi hoàn thành Thực tập tốt nghiệp.

2.3. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến):

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
Năm 1															
01	1A	ENC1132	Ngữ pháp	Grammar	BB			3	45	45				135	TA
02	1A	ENC1118	Phát âm	Pronunciation	BB			3	45	45				135	TA
03	1B	ENC1135	Kỹ năng đọc hiểu	Reading	BB			3	45	45				135	TA
04	1B	ENC1134	Kỹ năng nói	Speaking	BB			3	45	45				135	TA
05	1B	SKI1107	Project design 1	Project Design 1	BB			3	45	45				135	PD
			Cộng (HK 1A+1B)					15							
06	2A	ENC1133	Kỹ năng nghe	Listening	BB			3	45	45				135	TA
07	2A	ENC1136	Kỹ năng viết	Writing	BB			3	45	45				135	TA
08	2A	ITE1292	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	Informatics and Applied Artificial Intelligence	BB			3	60	30	30			180	CNTT
09	2B	ENC1138	Ngữ pháp nâng cao	Advanced Grammar	BB	ENC1132		3	45	45				135	TA

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
10	2B	ENC1140	Kỹ năng đọc hiểu nâng cao	Advanced Reading	BB			3	45	45				135	TA
11	2B	LAW1101	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	BB			3	45	45				135	LUAT
			Cộng (HK 2A+2B)					18							
Năm 2															
01	1A	SKI1108	Project design 2	Project Design 2	BB	SKI1107		3	45	45				135	PD
02	1A	JPN3201/ FRA3201/ KOR3201/ CHI3201	Tiếng Nhật 1/ Tiếng Pháp 1/ Tiếng Hàn 1/ Tiếng Trung 1	Japanese 1 French 1 Korean 1 Chinese 1	TC			3	45	45				135	TA NNVHQT
03	1A	GYM1311/ GYM1321/ GYM1331/ GYM1341/ GYM1351	Giáo dục thể chất - Aerobic 1/ Giáo dục thể chất - Vovinam 1/ Giáo dục thể chất - Boxing 1/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 1/ Giáo dục thể chất -	Physical Education 1 - Aerobic/ Physical Education 1 – Vovinam/ Physical Education 1 - Boxing/ Physical Education 1 -	TC			1	30		30			90	LL-TC

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
			DanceSport 1	Education 1 - Body-building/ Physical Education 1 - DanceSport											
04	1B	JPN3202/ FRA3202/ KOR3202/ CHI3202	Tiếng Nhật 2/ Tiếng Pháp 2/ Tiếng Hàn 2/ Tiếng Trung 2	Japanese 2 French 2 Korean 2 Chinese 2	TC	JPN3201/ FRA3201/ KOR3201/ CHI3201		3	45	45				135	TA NNVHQT
05	1B	ENC1139	Kỹ năng nghe nâng cao	Advanced Listening	BB	ENC1133		3	45	45				135	TA
06	1B		Học phần tự chọn 1		TC			3	45	45				135	
07	1B	GYM1312/ GYM1322/ GYM1332/ GYM1342/ GYM1352	Giáo dục thể chất - Aerobic 2/ Giáo dục thể chất - Vovinam 2/ Giáo dục thể chất - Boxing 2/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 2/ Giáo dục thể chất -	Physical Education 2 – Aerobic/ Physical Education 2 – Vovinam/ Physical Education 2 – Boxing/ Physical Education 2 –	TC			1	30		30			90	LL-TC

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
			DanceSport 2	Physical Education 2 - Body-building/ Physical Education 2 - DanceSport											
			Cộng (HK 1A+1B)					17							
08	2A	ENC1141	Kỹ năng viết nâng cao	Advanced Writing	BB	ENC1136		3	45	45				135	TA
09	2A	JPN3203/ FRA3203/ KOR3203/ CHI3203	Tiếng Nhật 3/ Tiếng Pháp 3/ Tiếng Hàn 3/ Tiếng Trung 3	Japanese 3 French 3 Korean 3 Chinese 3	TC	JPN3202/ FRA3202/ KOR3202/ CHI3202		3	45	45				135	TA NNVHQT
10	2A	GYM1313/ GYM1323/ GYM1333/ GYM1343/ GYM1353	Giáo dục thể chất - Aerobic 3/ Giáo dục thể chất - Vovinam 3/ Giáo dục thể chất - Boxing 3/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 3 Giáo dục thể chất - DanceSport 3	Physical Education 3 – Aerobic/ Physical Education 3 – Vovinam/ Physical Education 3 – Boxing/ Physical Education 3 –	TC			1	30		30			90	LL-TC

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
				Physical Education 3 - Body-building/ Physical Education 3 - DanceSport											
11	2B	JPN3204/ FRA3204/ KOR3204/ CHI3204	Tiếng Nhật 4/ Tiếng Pháp 4/ Tiếng Hàn 4/ Tiếng Trung 4	Japanese 4 French 4 Korean 4 Chinese 4	TC	JPN3203/ FRA3203/ KOR3203/ CHI3203		3	45	45				135	TA NNVHQT
12	2B	ENC1142	Kỹ năng nói trước công chúng	Public Speaking	BB	ENC1134		3	45	45				135	TA
13	2B	RES1101E	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research Methodology	BB		E	3	45	45				135	TA
			Cộng (HK 2A+2B)					16							
		MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh	Military Education					165						PĐT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
Năm 3															
01	1A	ENC1143	Kỹ năng đọc tiếng Anh thương mại	Business Reading	BB	ENC1140		3	45	45				135	TA
02	1A	ENC1144	Kỹ năng viết tiếng Anh thương mại	Business Writing	BB	ENC1141		3	45	45				135	TA
03	1A	POL1111	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	BB			3	45	45				135	LL-TC
04	1B	ENC1127E	Biên dịch	Translation	BB		E	3	45	45				135	TA
05	1B		Học phần tự chọn 2		TC			3	45	45				135	
06	1B	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	BB			2	30	30				90	LL-TC
			Cộng (HK 1A+1B)					17							
07	2A	ENC1130E	Nhập môn ngôn ngữ học	Introduction to Linguistics	BB		E	3	45	45				135	TA
08	2A	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	BB			2	30	30				90	LL-TC

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
09	2A	LIT1101E	Văn học Anh-Mỹ	British and American Literatures	BB		E	3	45	45				135	TA
10	2B	PUR1116E	Mạng xã hội và truyền thông tương tác	Social Media and Interactive Communications	BB		E	3	45	45				135	QHCCTT
11	2B	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	BB			2	30	30				90	LL-TC
12	2B	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	BB			2	30	30				90	LL-TC
13	2B	ENC1121E	Giao tiếp liên văn hóa	Cross-cultural Communication	BB		E	3	45	45				135	TA
			Cộng (HK 2A+2B)					18							
Năm 4															
01	1A	LIN1109E	Ngôn ngữ và xã hội	Language and Society	BB		E	3	45	45				135	TA
		Chuyên ngành	<i>Giảng dạy tiếng Anh</i>	<i>English Language Teaching</i>											

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
02	1A	ENC1124E	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1	English Language Teaching 1	TC		E	3	45	45				135	TA
03	1A	ENC1145E	Kỹ năng tổ chức lớp học	Classroom Skills	TC		E	3	45	45				135	TA
		Chuyên ngành	<i>Biên phiên dịch tiếng Anh</i>	<i>English Translating and Interpreting</i>											
02	1A	TRA1103E	Lý thuyết dịch	Theory of Translation	TC		E	3	45	45				135	TA
03	1A	ENC1116E	Kỹ thuật phiên dịch	Techniques in Interpreting	TC		E	3	45	45				135	TA
		Chuyên ngành	<i>Tiếng Anh Thương mại</i>	<i>Business English</i>											
02	1A	MKT1101E	Marketing căn bản	Principles of Marketing	TC		E	3	45	45				135	MAR
03	1A	MGT1142E	Hành vi tổ chức	Organizational Behavior	TC		E	3	45	45				135	QTKD
		Chuyên ngành	<i>Tiếng Anh Truyền thông</i>	<i>English for Communication</i>											

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
02	1A	PUR1103E	Quan hệ công chúng nội bộ và cộng đồng	Internal Communication and Community Relations	TC		E	3	45	45				135	QHCCTT
03	1A	COT1107E	Thiết kế nội dung truyền thông	Media Content Creation	TC		E	3	45	45				135	QHCCTT
		Chuyên ngành	<i>Giảng dạy tiếng Anh</i>	<i>English Language Teaching</i>											
04	1B	ENC1125E	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2	English Language Teaching 2	TC		E	3	45	45				135	TA
05	1B	ENC1147E	Phát triển tài liệu học tập	Materials Development	TC		E	3	45	45				135	TA
06	1B	ENC1146E	Thực hành giảng dạy	Teaching Practice	TC		E	3	45	45				135	TA
		Chuyên ngành	<i>Biên phiên dịch tiếng Anh</i>	<i>English Translating and Interpreting</i>											

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
04	1B	LIN1104E	Dịch thuật, ngôn ngữ và văn hóa	Translation, Linguistics, and Culture	TC		E	3	45	45				135	TA
05	1B	LIN1103E	Ngữ nghĩa học	Semantics	TC		E	3	45	45				135	TA
06	1B	ENC1148E	Dịch văn bản thương mại	Business Translation	TC		E	3	45	45				135	TA
		Chuyên ngành	<i>Tiếng Anh Thương mại</i>	<i>Business English</i>											
04	1B	MGT1111E	Quản trị kinh doanh quốc tế	International Business Management	TC		E	3	45	45				135	KT
05	1B	MGT1110E	Quản trị nguồn nhân lực	Human Resource Management	TC		E	3	45	45				135	QTKD
06	1B	MKT1135E	Digital marketing	Digital Marketing	TC		E	3	45	45				135	MAR
		Chuyên ngành	<i>Tiếng Anh Truyền thông</i>	<i>English for Communication</i>											
04	1B	JOU1206E	Tin và phóng sự	News and Feature Writing	TC		E	3	45	45				135	QHCCTT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
05	1B	PUR2131E	Truyền thông marketing	Marketing Communication	TC		E	3	45	45				135	QHCCTT
06	1B	PUR1114E	Xử lý khủng hoảng truyền thông	Crisis Communication	TC		E	3	45	45				135	QHCCTT
			Cộng (HK 1A+1B)					18							
			<i>Sinh viên chọn Khóa luận hoặc học 2 học phần</i>												
07	2A	ENC1414	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	TC			6				X			TA
08	2A	ENC1128E	Biên dịch nâng cao	Advanced Translation	TC		E	3	45	45				135	TA
09	2A	LIN1105E	Nhập môn ngôn ngữ học ứng dụng	Introduction to Applied Linguistics	TC		E	3	45	45				135	TA
10	2A	ENC1322	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	BB			3					X		TA
			Cộng (HK 2A)					9							

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - KHÓA 2024

Giáo dục đại
cương

Kiến thức cơ sở
ngành

Kiến thức
chuyên ngành

Kiến thức bổ trợ

Thực tập thực
tế

Kiến thức
không tích lũy

Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A
						(E) Ngôn ngữ và xã hội LIN109E (3tc)	
	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng ITE1292 (3tc)	Tiếng Nhật 1 – JPN3201 Tiếng Pháp 1 – FRA3201 Tiếng Hàn 1 – KOR3201 Tiếng Trung 1 – CHI3201 (3tc)	Tiếng Nhật 3 – JPN3203 Tiếng Pháp 3 – FRA3203 Tiếng Hàn 3 – KOR3203 Tiếng Trung 3 – CHI3203 (3tc)	Kỹ năng đọc tiếng Anh thương mại ENC1143 (3tc)	(E) Nhập môn ngôn ngữ học ENC1130E (3tc)	(E) Marketing căn bản MKT1101E (3tc)	(E) Quan hệ công chúng nội bộ và công đồng- PUR1103E (3tc)
						(E) Hành vi tổ chức MG1142E (3tc)	(E) Thiết kế nội dung truyền thông COT1107E (3tc)
						Tiếng Anh thương mại	Tiếng Anh truyền thông
Phát âm ENC1118 (3tc)	Kỹ năng viết ENC1136 (3tc)	Giáo dục thể chất 1 (1tc)	Giáo dục thể chất 3 (1tc)	Kỹ năng viết tiếng Anh thương mại ENC1144 (3tc)	(E) Văn học Anh- Mỹ LIT1101E (3tc)	(E) Lý thuyết dịch TRA1103E (3tc)	(E) Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh 1 ENC1124E (3tc)
Ngữ pháp ENC1132 (3tc)	Kỹ năng nghe ENC1133 (3tc)	Project design 2 SKI1108 (3tc)	Kỹ năng viết nâng cao ENC1141 (3tc)	Triết học Mác - Lênin POL1111 (3tc)	Chủ nghĩa xã hội khoa học POL1113 (2tc)	(E) Kỹ thuật phiên dịch ENC1116E (3tc)	(E) Kỹ năng tổ chức lớp học ENC1145E (3tc)
						Biên - Phiên dịch tiếng Anh	Giảng dạy tiếng Anh
							Thực tập tốt nghiệp ENC1322 (3tc)
							Khóa luận tốt nghiệp ENC1414 (6tc)
							(E) Nhập môn ngôn ngữ học ứng dụng LIN1105E (3tc)
							(E) Biên dịch nâng cao ENC1128E (3tc)
							Chọn KLTN hoặc 2 môn thay thế
HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B
Project design 1 SKI1107 (3tc)	Pháp luật đại cương LAW1101 (3tc)	Kỹ năng nghe nâng cao ENC1139 (3tc)	Kỹ năng nói trước công chúng ENC1142 (3tc)	Kinh tế chính trị Mác-Lênin POL1112 (2tc)	Tư tưởng Hồ Chí Minh POL1114 (2tc)	(E) Digital marketing MKT1135E (3tc)	(E) Xử lý khủng hoảng truyền thông PUR1114E (3tc)
Kỹ năng đọc hiểu ENC1135 (3tc)	Ngữ pháp nâng cao ENC1138 (3tc)	Môn tự chọn 1 (3tc)	(E) Phương pháp nghiên cứu khoa học RES1101E (3tc)	(E) Biên dịch ENC1127E (3tc)	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam POL1115 (2tc)	(E) Quản trị nguồn nhân lực MG1110E (3tc)	(E) Tin và phóng sự JOU1206E (3tc)
Kỹ năng nói ENC1134 (3tc)	Kỹ năng đọc hiểu nâng cao ENC1140 (3tc)	Tiếng Nhật 2 – JPN3202 Tiếng Pháp 2 – FRA3202 Tiếng Hàn 2 – KOR3202 Tiếng Trung 2 – CHI3202 (3tc)	Tiếng Nhật 4 – JPN3204 Tiếng Pháp 4 – FRA3204 Tiếng Hàn 4 – KOR3204 Tiếng Trung 4 –CHI3204 (3tc)	Môn tự chọn 2 (3tc)	(E) Mạng xã hội và truyền thông tương tác PUR1116E (3tc)	(E) Quản trị kinh doanh quốc tế MG1111E (3tc)	(E) Truyền thông marketing PUR2131E (3tc)
Ký hiệu sử dụng Tên môn học Mã môn (số tín chỉ) (E)	Thông tin về môn học Môn học có hệ số K	Giáo dục thể chất 2 (1tc)	Giáo dục quốc phòng MIL1203		(E) Giao tiếp liên văn hóa ENC1121E (3tc)	Tiếng Anh thương mại	Tiếng Anh truyền thông
						(E) Ngữ nghĩa học LIN1103E (3tc)	(E) Thực hành giảng dạy ENC1146E (3tc)
						(E) Dịch thuật, ngôn ngữ và văn hóa LIN1104E (3tc)	(E) Phát triển tài liệu học tập ENC1147E (3tc)
						(E) Dịch văn bản thương mại ENC1148E (3tc)	(E) Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh 2 ENC1125E (3tc)
						Biên - Phiên dịch tiếng Anh	Giảng dạy tiếng Anh
* Học phần giáo dục thể chất chọn 1 trong 5 môn: Aerobic, Boxing, Vovinam, Dancesport, Thể hình thẩm mỹ		Danh sách môn tự chọn • Giáo dục sức khỏe tinh thần • Khởi nghiệp • Luật công bằng và tín thác • Luật thương mại • Luật quốc tế • Nghệ thuật học cơ bản • Nghệ thuật lãnh đạo • Nghiệp vụ ngoại giao • Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp • Nhập môn chuyển đổi số • Những vấn đề toàn cầu • Pháp luật về doanh nghiệp • Phân tích dữ liệu ứng dụng • Phát triển bền vững • Quản lý tài chính cá nhân • Quản trị chiến lược toàn cầu • Tâm lý giao tiếp • Thuyết trình sáng tạo • Tư duy thẩm mỹ • Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách tiết • Văn hóa truyền thống Hàn Quốc • Văn minh nhân loại • Văn hóa các nước Đông Nam Á					

2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
1. Kiến thức giáo dục đại cương				
1.1.1	ENC1121E	Giao tiếp liên văn hóa	3	Học phần giúp sinh viên có cái nhìn đa chiều về vai trò của văn hóa trong việc học tiếng Anh và giao tiếp quốc tế, giúp sinh viên hình thành nhận thức về giao thoa văn hóa, tôn trọng các giá trị đạo đức riêng của mỗi dân tộc, mỗi nền văn hóa. Thông qua học phần, sinh viên có thể hiểu được những khác biệt văn hóa, những giá trị văn hóa đối lập và những khác biệt trong giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ được sử dụng trên thế giới. Bên cạnh đó, sinh viên có cơ hội tìm hiểu thêm về đặc trưng văn hóa của một số quốc gia sử dụng tiếng Anh tiêu biểu như Anh, Mỹ, Úc, Canada và Singapore. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng các kiến thức văn hóa trong giao tiếp công sở ở các môi trường làm việc có yếu tố quốc tế.
1.1.2	LIN1109E	Ngôn ngữ và xã hội	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bản chất ngôn ngữ và mối tương quan giữa ngôn ngữ và sự hình thành, phát triển của xã hội. Học phần giúp sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản trong lĩnh vực ngôn ngữ học xã hội. Thông qua đó, sinh viên có thể tìm hiểu và phân tích tác động của các yếu tố văn hóa xã hội và con người đến sự đa dạng trong ngôn ngữ, các biến thể khác nhau trong cùng một ngôn ngữ và sự tương tác qua lại giữa các ngôn ngữ khác nhau theo tiến trình lịch sử. Bên cạnh đó, học phần cũng giúp sinh viên nắm được quá trình lan tỏa của tiếng Anh ra phạm vi thế giới và vai trò của tiếng Anh trong thời đại mới.
1.2.1	POL1111	Triết học Mác-Lênin	3	Học phần cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Triết học Mác –Lênin; Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, bao gồm: Chương 1- trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vật đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3- trình bày những nội dung cơ bản của

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người
1.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về Kinh tế chính trị Mác-Lênin, nhằm nâng cao năng lực tư duy và nhận thức khoa học về thế giới khách quan và các học thuyết kinh tế. Sinh viên sẽ hiểu và áp dụng kiến thức này trong việc phân tích, xử lý, và đánh giá vấn đề khoa học lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực đào tạo của họ. Chương trình bao gồm 6 chương, trong đó chương 1 tập trung vào đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin. Các chương tiếp theo đề cập đến các vấn đề cốt lõi như hàng hóa, thị trường, vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền, kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, và cách mạng công nghiệp cũng như hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam.
1.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 7 chương: Trong đó, chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học). Từ chương 2 đến chương 7, trình bày nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học.
1.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần cung cấp cho người học kiến thức tư duy nhận thức khoa học hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Hiểu được các quan điểm tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức cách mạng và con người mới. Người học biết vận dụng vào quá trình tự rèn luyện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thời đại mới.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
1.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học phần cung cấp cho người học về kiến thức vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngoài chương nhập môn gồm 05 bài, cụ thể: Bài 1. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Bài 2. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Bài 3. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Bài 4. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); Bài 5. Kết luận.
1.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	3	Học phần nghiên cứu hiện tượng Nhà nước và Pháp luật theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lenin. Học phần giải quyết những vấn đề chung nhất về Nhà nước và Pháp luật: nguồn gốc, bản chất, các kiểu và chức năng của Nhà nước và Pháp luật. Ngoài ra học phần còn nghiên cứu các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, hình thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.
1.4.1	ITE1292	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	3	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về tin học văn phòng: soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, thiết kế bài thuyết trình chuyên nghiệp và ứng dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) phổ biến hỗ trợ học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức: Khái niệm cơ bản về Tin học và AI; Sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Word; Sử dụng phần mềm bảng tính Excel; Trình bày báo cáo bằng phần mềm trình chiếu Powerpoint; Ứng dụng AI trong xử lý văn bản và bảng tính; Ứng dụng AI trong thiết kế thuyết trình; Tìm kiếm thông tin học thuật với AI; Sử dụng AI hỗ trợ viết báo cáo, luận văn.
1.5.1.1	JPN3201	Tiếng Nhật 1	3	Học phần được thiết kế nhằm giúp sinh viên làm quen và nắm được kiến thức cơ bản về tiếng Nhật. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Nhật cơ bản (chào hỏi, giới thiệu); Bài học phần 1: Đọc và viết được Hiragana và Katakana; Xưng hô các ngôi trong giao tiếp; Giới thiệu bản thân; Hỏi thông tin cơ bản (tên, tuổi, chỗ ở, nghề nghiệp).

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				Học phần giúp sinh viên luyện nói, nghe và tham gia các hoạt động hội thoại nhóm. Lượng kiến thức cũng được bố trí phù hợp, để có thêm thời gian cho sinh viên thực tập hội thoại.
1.5.2.1	JPN3202	Tiếng Nhật 2	3	Học phần được thiết kế nhằm giúp sinh viên làm quen và nắm được kiến thức cơ bản, thuộc từ vựng và mẫu câu thông dụng. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Nhật cơ bản (mô tả thời gian, các hoạt động đơn giản trong cuộc sống). Bài học phần 2: Sử dụng đúng các trợ từ đã học: は、も、で、に、を、へ; Nắm bắt và vận dụng được cách nói thời gian, phương tiện, nơi chốn; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản.
1.5.3.1	JPN3203	Tiếng Nhật 3	3	Học phần được thiết kế nhằm giúp sinh viên hiểu và ứng dụng được tiếng Nhật ở trình độ sơ cấp, thuộc từ vựng và mẫu câu đã học theo nhiều đề tài. Bài học phần 3: Sử dụng đúng các tính từ mô tả màu sắc, tính chất sự vật, miêu tả sở thích; Nhớ và vận dụng được các hậu tố đếm cái, người, tầng; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản (hỏi lý do, trả lời lý do); Giới thiệu sở thích và thói quen cá nhân.
1.5.4.1	JPN3204	Tiếng Nhật 4	3	Học phần được thiết kế nhằm giúp sinh viên hiểu và ứng dụng được tiếng Nhật ở trình độ sơ cấp, thuộc từ vựng và mẫu câu và cách chia thể của động từ, hiểu và ứng dụng được ngữ pháp đã học trong giao tiếp cơ bản. Bài học phần 4: Diễn đạt được ý muốn, mục đích, gợi ý giúp đỡ, mệnh lệnh yêu cầu, xin phép; Biết cách chia thể ㅁ và ứng dụng thể ㅁ vào ngữ pháp đã học; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản (về ý muốn, mục đích); Biết sử dụng câu tiếp diễn, yêu cầu, đề nghị.
1.5.1.2	FRA3201	Tiếng Pháp 1	3	Học phần giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày như miêu tả người, vật, lên kế hoạch cho bản thân.
1.5.2.2	FRA3202	Tiếng Pháp 2	3	Học phần giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày ở cấp độ tương đối

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				phức tạp hơn so với học phần Tiếng Pháp 1.
1.5.3.2	FRA3203	Tiếng Pháp 3	3	Học phần giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng ở mức độ khá phức tạp và liên quan đến việc giải quyết các tình huống yêu cầu mức độ ngôn ngữ ở mức tiền trung cấp.
1.5.4.2	FRA3204	Tiếng Pháp 4	3	Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm ở cấp độ trung cấp trong tiếng Pháp, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, giao tiếp học thuật và công sở như thể hiện sự đồng ý hay phản đối trong lúc thảo luận, phản hồi thông tin.
1.5.1.3	KOR3201	Tiếng Hàn 1	3	Học phần được thiết kế nhằm giúp sinh viên làm quen và nắm được kiến thức cơ bản về tiếng Hàn. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Hàn cơ bản (chào hỏi, giới thiệu); Bài học phần 1: Đọc và viết được bảng chữ cái Kanata; Xưng hô các ngôi trong giao tiếp; Giới thiệu bản thân; Hỏi thông tin cơ bản (tên, tuổi, chỗ ở, nghề nghiệp). Học phần giúp sinh viên luyện nói, nghe và tham gia các hoạt động hội thoại nhóm. Lượng kiến thức cũng được bố trí phù hợp, để có thêm thời gian cho sinh viên thực tập hội thoại.
1.5.2.3	KOR3202	Tiếng Hàn 2	3	Học phần được thiết kế nhằm giúp sinh viên làm quen và nắm được kiến thức cơ bản, thuộc từ vựng và mẫu câu thông dụng. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Hàn cơ bản (mô tả thời gian, các hoạt động đơn giản trong cuộc sống). Bài học phần 2: Sử dụng đúng các trợ từ đã học; Nắm bắt và vận dụng được cách nói thời gian, phương tiện, nơi chốn; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản.
1.5.3.3	KOR3203	Tiếng Hàn 3	3	Học phần được thiết kế nhằm giúp sinh viên hiểu và ứng dụng được tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp, thuộc từ vựng và mẫu câu đã học theo nhiều đề tài, phân biệt và nhận diện được hệ thống chữ Kanata trong tiếng Hàn. Bài học phần 3: Sử dụng đúng các tính từ mô tả màu sắc, tính chất sự vật,

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				miêu tả sở thích; Nhớ và vận dụng được các hậu tố đếm cái, người, tầng; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản (hỏi lý do, trả lời lý do); Giới thiệu sở thích và thói quen cá nhân. Lượng kiến thức cũng được bố trí phù hợp, chủ yếu xoay quanh hoạt động cá nhân, trường lớp, gia đình trong các tình huống giao tiếp tương đối phức tạp.
1.5.4.3	KOR3204	Tiếng Hàn 4	3	Học phần được thiết kế nhằm giúp sinh viên hiểu và ứng dụng được tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp, thuộc từ vựng và mẫu câu và cách chia thể của động từ, phân biệt và nhận diện được hệ thống chữ Kanata trong tiếng Hàn, hiểu và ứng dụng được ngữ pháp đã học trong giáo tiếp cơ bản. Bài học phần 4: Diễn đạt được ý muốn, mục đích, gợi ý giúp đỡ, mệnh lệnh yêu cầu, xin phép; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản (về ý muốn, mục đích); Biết sử dụng câu tiếp diễn, yêu cầu, đề nghị. Lượng kiến thức cũng được bố trí phù hợp, chủ yếu xoay quanh hoạt động cá nhân, trường lớp, gia đình, giao tiếp xã hội và trong công việc ở mức độ khá phức tạp.
1.5.1.4	CHI3201	Tiếng Trung 1	3	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản nhất về hệ thống ngữ âm tiếng Trung; Giúp sinh viên nắm ý chính để có thể trả lời, giải thích nội dung đoạn hội thoại, rèn luyện khả năng xử lý tình huống trong giao tiếp đơn giản. Nội dung xoay quanh các hoạt động thường nhật gần gũi với sinh viên như: Chào hỏi, số đếm, ngày tháng, gia đình và bạn bè, ăn uống, mua sắm, sinh hoạt hằng ngày...
1.5.2.4	CHI3202	Tiếng Trung 2	3	Học phần gồm 15 bài với các nội dung như mua sắm, thời tiết, sở thích, ăn uống, gọi điện thoại.....Học phần trang bị cho sinh viên có khả năng đối thoại các tình huống đơn giản, phát âm chính xác. Thông qua các bài khóa và bài tập mô phỏng hội thoại, sinh viên có thể thực hiện những câu giao tiếp đơn giản trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ sơ cấp 1.
1.5.3.4	CHI3203	Tiếng Trung 3	3	Học phần cung cấp cho sinh viên các mẫu hội thoại liên quan đến cuộc sống thường nhật như: Lễ Tết, lễ nghi, quà tặng, đời sống đại học, phim ảnh, thư viện v.v. Thông qua nội dung các bài học, sinh viên có thể tìm hiểu về văn hóa ứng xử

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				và đời sống xã hội của người Trung Quốc. Nội dung các chủ đề và bài tập thực hành không những giúp sinh viên thực hành nói tiếng Trung mà còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng trình bày suy nghĩ, bày tỏ ý kiến của bản thân về các tình huống thực tế trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ sơ cấp 2.
1.5.4.4	CHI3204	Tiếng Trung 4	3	Học phần cung cấp cho sinh viên các mẫu hội thoại liên quan đến cuộc sống thường nhật như: Làm tóc, đời sống du học, hỏi thăm, kế hoạch tương lai, so sánh đối chiếu v.v... Thông qua nội dung các bài học, sinh viên có thể tìm hiểu về văn hóa ứng xử và đời sống xã hội của người Trung Quốc. Nội dung các chủ đề và bài tập thực hành giúp sinh viên thực hành nói tiếng Trung, rèn luyện kỹ năng trình bày suy nghĩ, bày tỏ ý kiến của bản thân ... các tình huống thực tế trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ tiền trung cấp.
2. Kiến thức cơ sở ngành				
2.1	ENC1118	Phát âm	3	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về ngữ âm trong tiếng Anh. Môn này nhằm giúp sinh viên hệ thống lại cách phát âm nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh, thực hành phát âm chính xác, rõ ràng từng âm trong tiếng Anh và có thể đọc được phiên âm quốc tế. Học phần giúp sinh viên nắm được các đặc trưng của từng âm và phân biệt giữa các âm có cách phát âm gần giống nhau.
2.2	ENC1132	Ngữ pháp	3	Học phần giúp sinh viên nắm vững các điểm ngữ pháp tiếng Anh cơ bản, bao gồm: phân biệt từ loại, cấu trúc câu cơ bản, cách sử dụng mạo từ, từ chỉ số lượng, giới từ, các thì trong tiếng Anh, trợ động từ, các dạng câu nghi vấn, phủ định, câu điều kiện, câu tường thuật, mệnh đề quan hệ, câu bị động. Thông qua học phần, sinh viên có thể đặt câu đúng cấu trúc, đúng thì và đảm bảo các yếu tố ngữ pháp cơ bản khác. Học phần giúp người học thực hành các chủ điểm ngữ pháp trên thông qua hệ thống bài tập thực hành phong phú, trong ngữ cảnh cụ thể và là cơ sở để sinh viên phát triển các kỹ năng thực hành tiếng Anh.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
2.3	ENC1133	Kỹ năng nghe	3	Học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe cơ bản bao gồm việc nghe ý chính, nghe ý chi tiết, dự đoán ý trước và trong khi thực hành nghe. Học phần tập trung vào các chủ điểm giao tiếp thường gặp trong sinh hoạt hằng ngày như chào hỏi, trò chuyện thân mật, miêu tả ngoại hình, trang phục, công việc, tính cách, kỳ nghỉ, nhà hàng, mua sắm và nghe giá sản phẩm, giao thông, giải trí, sức khỏe, thể thao và mỹ thuật. Học pháp góp phần giúp sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể hiểu tốt các nội dung giao tiếp cơ bản trong đời sống và trong môi trường công việc.
2.4	ENC1134	Kỹ năng nói	3	Học phần giúp sinh viên thực hành kỹ năng nói trong các tình huống giao tiếp hằng ngày một cách tự nhiên và tự tin. Học phần cung cấp cho sinh viên các cụm từ thường xuyên sử dụng để giao tiếp kèm các bài tập thực hành trong ngữ cảnh cụ thể. Các chủ điểm thực hành nói bao gồm: giới thiệu bản thân, miêu tả người, đồ vật, sắp xếp lịch hẹn, đưa ra yêu cầu, đặt hàng và mua hàng, trò chuyện qua điện thoại, và các chiến lược đàm thoại như thể hiện hứng thú tham gia cuộc trò chuyện, cách phát triển và kéo dài một cuộc đàm thoại, kiểm tra xem người nghe có nắm được thông tin.
2.5	ENC1135	Kỹ năng đọc hiểu	3	Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện đọc hiểu. Đồng thời, học phần giới thiệu các dạng câu hỏi, chiến lược đọc hiểu và kỹ năng làm bài kiểm tra thông qua nhiều bài đọc có nội dung đa dạng và phù hợp trình độ sinh viên. Chủ điểm của các bài đọc bao gồm: đời sống sinh viên, các mối quan hệ xã hội, quản lý thời gian, stress, hoạt động tình nguyện, giải trí và công việc làm thêm.
2.6	ENC1136	Kỹ năng viết	3	Học phần nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng viết các loại câu và đoạn văn thuộc một số thể loại cơ bản như miêu tả quy trình, kể chuyện, giải thích, thuyết phục và so sánh. Các đề tài viết xoay quanh các vấn đề gắn gũi với cuộc sống như đời sống sinh viên, khám phá thiên nhiên, sinh hoạt cộng đồng, văn hóa, sức khỏe, giáo dục. Bên cạnh đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức về cách sử dụng dấu câu, từ nối và sử dụng tổ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				hợp từ. Qua những đề tài viết này, sinh viên có cơ hội phát triển kỹ năng tư duy phản biện, trau dồi từ vựng và cấu trúc ngữ pháp, từng bước nâng cao kỹ năng viết tiếng Anh.
3. Kiến thức chuyên ngành				
3.1	ENC1138	Ngữ pháp nâng cao	3	Học phần giúp sinh viên nắm vững các điểm ngữ pháp tiếng Anh nâng cao trong tiếng Anh, bao gồm: sử dụng đúng các từ loại và liên từ để đặt câu, trật tự từ trong câu, sử dụng các hình thức động từ, danh động từ, giới từ, thì nâng cao, câu điều kiện nâng cao, mệnh đề trạng từ, mệnh đề quan hệ, mệnh đề rút gọn, sự hòa hợp giữa động từ và chủ ngữ, cấu trúc song song, từ nối ý. Thông qua học phần, sinh viên có thể đặt câu đúng cấu trúc, đúng thì và đảm bảo các yếu tố ngữ pháp tương đối phức tạp. Học phần giúp người học thực hành các chủ điểm ngữ pháp trên thông qua hệ thống bài tập thực hành phong phú trong ngữ cảnh cụ thể. Học phần cũng là cơ sở để sinh viên phát triển các kỹ năng thực hành tiếng Anh trong chương trình đào tạo.
3.2	ENC1139	Kỹ năng nghe nâng cao	3	Học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe và các chiến lược thực hành nghe tiếng Anh theo định hướng bài thi IELTS. Chủ điểm các bài nghe tập trung vào các vấn đề trong đời sống hằng ngày như đời sống sinh viên, vấn đề đảm bảo an toàn cho sinh viên, môi trường, du lịch, thể thao, chế độ ăn uống, kỳ quan thế giới, các vấn đề liên quan đến học thuật. Sinh viên có cơ hội thực hành kỹ năng nghe qua hệ thống các bài tập đa dạng, được thiết kế bám sát theo các phần của bài thi nghe IELTS. Học phần góp phần giúp sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có sự chuẩn bị tốt cho bài thi IELTS kỹ năng nghe.
3.3	ENC1140	Kỹ năng đọc hiểu nâng cao	3	Học phần giới thiệu các dạng câu hỏi, chiến lược và kỹ năng đọc thông qua các văn bản có nội dung đa dạng và phù hợp trình độ sinh viên theo định hướng bài thi IELTS. Nội dung của các bài đọc xoay quanh các vấn đề như trí tuệ nhân tạo, các thiết bị thông minh, các nhân vật nổi tiếng, thế giới xung quanh, khoảng cách thế hệ, du học và các vấn đề thế giới. Học phần góp phần giúp người học đọc tài liệu một cách thông thạo, hệ thống hóa từ vựng và tổ hợp từ phức tạp, phát

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				triển kỹ năng tư duy, phân biện, phát biểu quan điểm cá nhân liên quan đến nội dung các bài đọc và chuẩn bị tốt cho bài thi IELTS.
3.4	ENC1141	Kỹ năng viết nâng cao	3	Học phần giúp sinh viên nắm được cấu trúc và đặc trưng của một bài luận có độ dài 250-300 từ thuộc các thể loại khác nhau như bài luận phân loại, so sánh, nguyên nhân - hệ quả, vấn đề - giải pháp, biện luận. Bên cạnh đó, học phần cũng giúp sinh viên phát triển từ vựng và cấu trúc câu liên quan đến các chủ đề thảo luận trong các bài luận, giúp diễn đạt được trau chuốt, mạch lạc và tự nhiên. Đây là bước đệm vững chắc để sinh viên có thể trình bày văn bản phù hợp với mục đích giao tiếp và có sự chuẩn bị tốt cho các học phần viết tiếng Anh thương mại và biên dịch.
3.5	ENC1142	Kỹ năng nói trước công chúng	3	Học phần nhấn mạnh các nguyên tắc cơ bản khi thực hiện một bài thuyết trình. Bên cạnh ngôn ngữ đặc trưng cho hình thức thuyết trình, học phần giúp sinh viên phát triển các cách thức truyền tải thông điệp, cách sử dụng ngôn ngữ hình thể hợp lý, cách sử dụng hình ảnh minh họa, và cách xử lý chất giọng khi thuyết trình. Qua đó, sinh viên có thể tự tin khi trình bày các vấn đề trước đám đông và biết cách xử lý tình huống để có một bài thuyết trình ấn tượng và đạt được hiệu quả đối với khán giả.
3.6	ENC1143	Kỹ năng đọc tiếng Anh thương mại	3	Học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc hiểu và từ vựng thuộc các lĩnh vực kinh tế - thương mại. Các bài đọc tập trung vào các chủ đề như giao tiếp trong môi trường làm việc đa văn hóa, giao tế xã hội, tuyển dụng, nhân sự, marketing và xây dựng, quảng bá thương hiệu. Học phần cũng giúp sinh viên phát triển các từ vựng liên quan đến kinh tế - thương mại thông qua các bài tập thực hành đa dạng và trong ngữ cảnh cụ thể.
3.7	ENC1144	Kỹ năng viết tiếng Anh thương mại	3	Học phần giúp sinh viên có thể trình bày các văn bản giao dịch trong lĩnh vực thương mại bằng tiếng Anh. Thông qua học phần, sinh viên nắm được định dạng và hình thức trình bày cũng như ngôn ngữ đặc thù cho các thể loại văn bản thương mại. Sinh viên làm quen và thực hành viết email khiếu nại, thư xin lỗi, thư xin thông tin, thư yêu cầu, thư mời, thư giới thiệu doanh nghiệp, thông

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				báo nội bộ, thư xin việc và cách trình bày CV. Bên cạnh đó, học phần cũng lồng ghép yếu tố đào tạo gắn kết với doanh nghiệp, giúp sinh viên giao lưu cùng các nhân sự chủ chốt tại các doanh nghiệp và lắng nghe các góp ý về cách trình bày CV và thư xin việc sao cho hiệu quả.
3.8	ENC1127E	Biên dịch	3	Học phần giúp sinh viên nắm được một số lý thuyết và khái niệm cơ bản liên quan đến dịch thuật, bao gồm các phương pháp tiếp cận dịch thuật, quy trình dịch tài liệu, phương pháp dịch tài liệu, quy trình đảm bảo chất lượng và các tố chất cần thiết để trở thành một biên dịch viên. Sinh viên cũng sẽ thực hành dịch các văn bản ngắn liên quan đến các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, thương mại và môi trường. Các bài thực hành dịch Anh - Việt hoặc Việt - Anh sẽ giúp sinh viên vận dụng lý thuyết về phương pháp dịch và hiểu rõ hơn về quy trình dịch, đảm bảo chất lượng bản dịch.
3.9	ENC1130E	Nhập môn ngôn ngữ học	3	Học phần nhằm giúp sinh viên hiểu được các khái niệm, lý thuyết cơ bản thuộc các lĩnh vực khác nhau trong ngôn ngữ học và có thể vận dụng các kiến thức này vào việc nghiên cứu, phân tích các học phần chuyên ngành cũng như vào thực tiễn sử dụng ngôn ngữ và công tác chuyên môn. Học phần tập trung vào các chủ điểm: sự hình thành của ngôn ngữ, ngữ âm và âm vị học, cách thành lập từ, hình thái học, ngữ pháp, cú pháp, ngữ dụng học và phân tích diễn ngôn. Học phần cung cấp bài tập thực hành phong phú, giúp người học nắm vững lý thuyết và vận dụng chúng vào phân tích ngôn ngữ.
3.10	RES1101E	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	Học phần giúp sinh viên nắm vững các khái niệm liên quan đến nghiên cứu khoa học, cách thiết kế một nghiên cứu, phân biệt được sự khác nhau giữa nghiên cứu định tính và định lượng, các kỹ thuật và phương pháp thu dữ liệu, kỹ thuật chọn mẫu, kỹ thuật phân tích dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu khoa học.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.11	LIT1101E	Văn học Anh-Mỹ	3	Học phần được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về văn chương Anh - Mỹ qua các tác giả và tác phẩm thơ ca, kịch nghệ, và truyện ngắn tiêu biểu. Sinh viên có khả năng giải thích, tóm tắt, phân tích các tác phẩm văn chương liên quan đến những vấn đề như đặc điểm nhân vật, hình tượng, chủ đề, giá trị nhân văn, yếu tố nghệ thuật và lựa chọn những cách ứng xử phù hợp nhờ những bài học luân lý rút ra từ các nhân vật và tác phẩm văn học.
3.12	PUR1116E	Mạng xã hội và truyền thông tương tác	3	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về vai trò của mạng xã hội trong hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp hiện nay, bao gồm: quá trình truyền thông và tương tác trên mạng xã hội, vai trò của người dùng; Tầm quan trọng của việc sử dụng mạng xã hội nhằm xây dựng hình ảnh tổ chức và gắn kết với khách hàng trong hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp.
3.14.1	ENC1124E	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1	3	Học phần giúp sinh viên hiểu được các đặc trưng và các yếu tố tác động đến quá trình học tiếng Anh, tổng quan về các phương pháp giảng dạy tiếng Anh và liên hệ với thực tế giảng dạy tiếng Anh tại Việt Nam. Qua học phần, sinh viên có thể nắm được các phương pháp giảng dạy như Grammar-Translation Method, Direct Method, Audio-Lingual Method, Communicative Language Teaching, Task-based Language Teaching và việc ứng dụng công nghệ vào hoạt động dạy và học tiếng Anh. Đây là hành trang cần thiết để sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể áp dụng vào thực tiễn giảng dạy tiếng Anh.
3.15.1	ENC1125E	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2	3	Học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức về các kỹ năng và phương pháp giảng dạy, kỹ năng triển khai các hoạt động lớp, soạn giáo án, giảng thử. Học phần này còn giúp cho sinh viên phát triển những kiến thức và kỹ năng tương ứng với phân ngành đã chọn. Học phần chú trọng cả lý thuyết và thực hành để đảm bảo sinh viên nắm được các yếu tố cốt lõi về các yếu tố tâm lý của người dạy và sinh viên, quá trình dạy và học ngoại ngữ cũng như các phương pháp giảng dạy các kỹ năng và yếu tố ngôn ngữ. Bên cạnh đó, sinh viên có cơ hội thực hành giảng thử và nhận được ý kiến góp ý từ giảng viên và các bạn sinh

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				viên cùng lớp để có thể hoàn thiện giáo án và bài giảng cũng như có sự tự tin khi đứng lớp.
3.16.1	ENC1145E	Kỹ năng tổ chức lớp học	3	Học phần giúp sinh viên nắm được các kỹ năng tổ chức và quản lý lớp học tiếng Anh tùy vào sỹ số lớp, cơ sở vật chất của đơn vị đào tạo, đặc trưng của người học. Qua học phần, sinh viên có cơ hội tìm hiểu về đặc trưng của người học thuộc các nhóm tuổi khác nhau và thiết kế bài giảng cũng như các hoạt động học tương thích với đối tượng giảng dạy. Học phần cũng giúp sinh viên biết cách thiết kế các hoạt động học, các trò chơi, vận dụng công nghệ trong giảng dạy và tổ chức hiệu quả các hoạt động này trên lớp.
3.17.1	ENC1146E	Thực hành giảng dạy	3	Học phần giúp sinh viên ứng dụng lý thuyết đã học vào công tác chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ và giảng dạy trực tiếp trên lớp. Học phần củng cố lại lý thuyết và phương pháp giảng dạy, thiết kế giáo án, nắm được các tiêu chí đánh giá giờ giảng thông qua hoạt động dự giờ trên lớp. Giảng viên phụ trách học phần sẽ góp ý giáo án, góp ý thiết kế bài giảng và hoạt động giảng thử của sinh viên nhằm giúp sinh viên có sự chuẩn bị tốt trước giờ giảng và tự tin khi đứng lớp.
3.18.1	ENC1147E	Phát triển tài liệu học tập	3	Học phần giúp sinh viên nắm được các nguyên tắc cơ bản trong việc phát triển tài liệu phục vụ cho hoạt động dạy và học tiếng Anh. Sinh viên sẽ tiếp cận các quan điểm khác nhau trong việc thiết kế tài liệu học tập, biết cách chọn và điều chỉnh tài liệu giảng dạy phù hợp với trình độ năng lực, lứa tuổi của người học và mục tiêu học tập sao cho vẫn đảm bảo tính tự nhiên trong ngữ liệu và tôn trọng bản quyền của tác giả.
3.14.2	TRA1103E	Lý thuyết dịch	3	Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm, thuật ngữ liên quan tới dịch thuật. Học phần đi sâu vào phân tích các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ trong dịch thuật, các dạng văn bản dịch thuật, phân tích nghĩa, so sánh sự tương quan về nghĩa giữa các ngôn ngữ có liên quan, các xu hướng dịch thuật. Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết để áp dụng vào quá trình dịch thuật (biên dịch và phiên dịch) trong các học phần chuyên sâu tiếp theo.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.15.2	ENC1116E	Kỹ thuật phiên dịch	3	Học phần cung cấp các kiến thức tổng quan và kỹ năng, kỹ thuật phiên dịch bao gồm việc nghe và dự đoán nội dung, các quy chuẩn đạo đức trong phiên dịch, kỹ thuật ghi chú và các kỹ năng thiết yếu trong phiên dịch, luyện tập khả năng ghi nhớ thông tin. Học phần giúp sinh viên phân biệt các loại hình dịch thuật bao gồm dịch đuổi (consecutive interpretation, dịch song song (cabin/simultaneous interpretation) và dịch thầm (whispering), nắm được các yêu cầu riêng của từng loại hình và có những chuẩn bị cơ bản khi tham gia vào hoạt động dịch thuật. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ thực hành phiên dịch một số nội dung đơn giản trên cơ sở vận dụng các kỹ thuật và lý thuyết trong học phần.
3.16.2	LIN1104E	Dịch thuật, ngôn ngữ và văn hóa	3	Học phần phân tích hoạt động dịch thuật dưới góc độ ngôn ngữ học và văn hóa. Sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức liên quan đến ngôn ngữ học và văn hóa làm nền tảng lý thuyết cho việc thực hành dịch thuật. Học phần giúp sinh viên nhận thức rõ hơn vai trò và mối quan hệ khăng khít giữa dịch thuật, ngôn ngữ và văn hóa và chú ý tới các yếu tố này trong quá trình biên phiên dịch.
3.17.2	LIN1103E	Ngữ nghĩa học	3	Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về ngữ nghĩa học, giúp sinh viên phân tích các khía cạnh ngữ nghĩa trong từ vựng tiếng Anh, sự biến đổi nghĩa, nghĩa câu, nghĩa mệnh đề. Học phần nằm trong nhóm các môn học chuyên sâu thuộc phân ngành Biên - Phiên dịch, đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kiến thức chuyên môn và là cơ sở để sinh viên có thể tự nghiên cứu thêm về ngành học của mình.
3.18.2	ENC1148E	Dịch văn bản thương mại	3	Học phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức về dịch thuật trong việc chuyển ngữ các văn bản thương mại. Học phần nằm trong nhóm các môn học chuyên sâu thuộc phân ngành Biên - Phiên dịch giúp sinh viên phân tích ngôn ngữ, phát triển các thuật ngữ chuyên môn trong việc dịch các văn bản liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, hợp đồng, chứng từ thương mại, ...

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.14.3	MKT1101E	Marketing căn bản	3	Học phần giúp sinh viên nắm rõ những khái niệm, bản chất, các chức năng cơ bản của Marketing trong doanh nghiệp như nghiên cứu thị trường, định vị thị trường, tạo sản phẩm, định giá, phân phối sản phẩm. Môn học cũng cung cấp các nội dung tổng quan về marketing trong quản trị kinh doanh, các nội dung căn bản về hành vi tiêu dùng của khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp, phân biệt hỗn hợp marketing 4P và 7P, cách thức phân tích môi trường Marketing, hoạt động phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường, các chiến lược sản phẩm, chiến lược giá cả, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến. Ngoài ra môn học cũng trình bày các kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và kiểm soát marketing trong toàn bộ tiến trình, tất cả đều giúp sinh viên có nền tảng kiến thức cho các môn học tiếp theo.
3.15.3	MGT1142E	Hành vi tổ chức	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để phân tích, giải thích và dự đoán hành vi con người trong bối cảnh tổ chức, ảnh hưởng của hành vi đến việc thực hiện nhiệm vụ. Môn học giúp sinh viên hiểu rằng nghiên cứu hành vi tổ chức dựa trên nền tảng các nghiên cứu của tâm lý học và xã hội học, được thực hiện trên cả ba cấp độ: cá nhân, nhóm và tổ chức; hiểu được sự ảnh hưởng của các yếu tố như tính cách, nhận thức, học tập, các giá trị và thái độ ảnh hưởng đến hành vi cá nhân; hiểu được nhóm ảnh hưởng như thế nào đến hành vi cá nhân và các dạng hành vi trong nhóm; nhận dạng được các loại xung đột và chọn chiến lược giải quyết xung đột; nắm được các vấn đề liên quan đến văn hoá tổ chức, các đặc tính của văn hóa tổ chức, nhận dạng được văn hoá tổ chức, sự ảnh hưởng của văn hoá tổ chức đến sự phát triển của một tổ chức.
3.16.3	MGT1111E	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	Học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên các khái niệm cơ bản liên quan đến toàn cầu hoá, kinh doanh quốc tế, và tổng quan về kinh doanh quốc tế hiện nay. Học phần này cũng nhấn mạnh các vấn đề và thách thức mà doanh nghiệp phải đối mặt khi tham gia hoạt động kinh doanh quốc tế, đó là sự đa dạng của môi trường kinh doanh toàn

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				cầu với các nền văn hoá khác nhau, hệ thống chính trị, hệ thống pháp luật và tài chính ở các quốc gia khác nhau trên thế giới. Sinh viên hiểu được môi trường kinh doanh quốc tế và đánh giá cơ hội kinh doanh tiềm năng tại các thị trường mục tiêu để có thể lựa chọn và xây dựng các chiến lược để thâm nhập thành công trên thị trường quốc tế.
3.17.3	MGT1110E	Quản trị nguồn nhân lực	3	Học phần giúp sinh viên hiểu một cách tổng quát các khái niệm về quản trị nguồn nhân lực, nắm được các giải pháp làm cho nhân viên hài lòng với công việc, gắn bó với tổ chức, và tích cực làm việc. Sinh viên cũng hiểu được tác động của môi trường ảnh hưởng đến quản trị nguồn nhân lực, nắm vững và áp dụng được các phương pháp phân tích công việc và thiết kế được các bảng mô tả công việc, nắm vững các khái niệm hoạch định nguồn nhân lực, nắm vững các khái niệm, tiến trình, và các phương pháp tuyển mộ và tuyển chọn nhân viên; hiểu và ứng dụng tiến trình và các phương pháp đào tạo và phát triển, các phương pháp đánh giá thành tích nhân viên một cách khoa học; hiểu được các yếu tố của cơ cấu tiền lương đồng thời nắm vững các biện pháp kích thích lao động gián tiếp và trực tiếp.
3.18.3	MKT1135E	Digital marketing	3	Học phần này hướng dẫn sinh viên cách thức sử dụng các công cụ marketing trực tuyến như website 2.0, các kênh quảng cáo trực tuyến, mạng xã hội Facebook, Blog 2.0, email marketing, tối ưu hóa công cụ tìm kiếm SEO, PR trực tuyến, ... và sau đó sinh viên có thể dễ dàng lập kế hoạch marketing trực tuyến, thực thi kế hoạch và đánh giá nó.
3.14.4	PUR1103E	Quan hệ công chúng nội bộ và cộng đồng	3	Học phần nghiên cứu mối quan hệ giữa tổ chức, doanh nghiệp với các nhóm công chúng bên trong và bên ngoài tổ chức. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng tổng quan về quan hệ công chúng nội bộ và cộng đồng: khái niệm, vai trò, nhiệm vụ, chức năng, các nhóm công chúng đặc thù; các phương thức xây dựng, tổ chức hoạt động của quan hệ công chúng nội bộ và cộng đồng; phát triển thương hiệu thông qua chiến lược quan hệ công chúng nội bộ và cộng đồng; quản trị khủng hoảng trong

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				quan hệ công chúng nội bộ và cộng đồng. Học phần phát triển tư duy tích hợp liên ngành giữa hoạt động quan hệ công chúng với hệ thống tổ chức nội bộ của doanh nghiệp, các hoạt động CSR bên ngoài doanh nghiệp. Đồng thời, học phần trang bị các kỹ năng: giao tiếp truyền thông, thuyết trình,... nhằm hỗ trợ tổ chức thực hiện hoạt động quan hệ công chúng hiệu quả.
3.15.4	COT1107E	Thiết kế nội dung truyền thông	3	Học phần được thiết kế để cung cấp cho sinh viên kiến thức về xây dựng nội dung truyền thông, bao gồm quy trình thực hiện, các thể loại nội dung, kỹ năng cần thiết; hiểu bố cục, cấu trúc của các format khác nhau của văn bản viết; cách tư duy sáng tạo để sản xuất nội dung phù hợp với nhu cầu đối tượng công chúng và những vấn đề cần lưu ý khi thiết kế nội dung sản phẩm truyền thông.
3.16.4	JOU1206E	Tin và phóng sự	3	Học phần trang bị kiến thức nền tảng về Tin/phóng sự và viết Tin/phóng sự nhằm giúp sinh viên hiểu đặc điểm và yêu cầu của thể loại Tin/phóng sự, các loại Tin/phóng sự, các dạng cấu trúc Tin/phóng sự; biết phân biệt thể loại Tin/phóng sự với các thể loại báo chí khác, ý thức được tác động, ảnh hưởng của báo chí đối với xã hội, từ đó có trách nhiệm khi sử dụng hình thức viết Tin/phóng sự trong hoạt động truyền thông.
3.17.4	PUR2131E	Truyền thông marketing	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong tổ chức, xu hướng của tiếp thị trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing. Nắm được kiến thức môn học sinh viên có thể tìm hiểu phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị thương hiệu trên thị trường, phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng; mối liên hệ giữa marketing và các công cụ khác trong truyền thông marketing tích hợp. Môn học giúp sinh viên có thể phối hợp sử dụng các nguồn lực và công cụ của các lĩnh vực PR - Marketing - Truyền thông, nhằm đạt hiệu quả công việc tốt nhất.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.18.4	PUR1114E	Xử lý khủng hoảng truyền thông	3	Học phần giúp sinh viên giải thích những vấn đề thiết yếu trong việc quản lý và xử lý khủng hoảng truyền thông, đồng thời có những dự đoán, giải quyết và khống chế những cuộc khủng hoảng xảy ra ngoài dự kiến với tư cách là người làm nghề quan hệ công chúng.
4. Kiến thức bổ trợ				
4.1	SKI1107	Project design 1	3	Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về tư duy thiết kế dự án theo quy trình logic, khoa học. Trong quy trình này người học sẽ chủ động khám phá và xác định các vấn đề cần giải quyết. Bằng cách phân tích các vấn đề thực tế trong xã hội dựa trên cơ sở dữ liệu, người học sẽ nắm bắt được các kỹ thuật cần thiết để đưa ra phương án giải quyết mới có tính đổi mới, sáng tạo. Người học đề xuất ý tưởng, kiểm chứng mức độ khả thi thông qua các hoạt động nhóm. Trong quá trình thực hiện dự án người học rèn luyện khả năng tự tìm tòi, năng lực suy nghĩ, phán đoán, khả năng diễn đạt, năng lực giao tiếp và khả năng lãnh đạo. Các dự án sáng tạo, đổi mới có tính ứng dụng cao trong thực tiễn, đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc.
4.2	SKI1108	Project design 2	3	Học phần cung cấp quy trình thương mại hóa ý tưởng kinh doanh một cách logic, khoa học nhằm trang bị cho sinh viên tư duy trong đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Học phần tập trung phát triển các ý tưởng kinh doanh, áp dụng mô hình NABC (Needs – Approach – Benefits/ Costs – Competition) trong việc mô tả và diễn đạt tuyên ngôn giá trị của các ý tưởng kinh doanh. Dự án sáng tạo nhóm sẽ được liên tục gia tăng giá trị thông qua quá trình cải tiến giá trị liên tục (Value Creation Forum: VCF) và được thể hiện qua Poster nhằm cung cấp cho khách hàng/ các bên liên quan bức tranh tổng quan nhất về dự án. Mỗi nhóm đóng vai trò như một mô hình của một tổ chức hoặc doanh nghiệp để hoàn thiện dự án thông qua các hoạt động: khảo sát, đánh giá, phân tích thị trường, công nghệ, khách hàng, kiểm nghiệm ý tưởng trước khi đưa ra thị trường nhằm góp phần đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (Sustainable

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				Development Goals: SDGs).
4.3	DMK1101	Công dân số	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng, và tư duy khi gia nhập vào thế giới số với sự kết nối toàn cầu qua mạng Internet. Người học sẽ được tìm hiểu về các nội dung: cách trở thành thành viên của thế giới số và tận dụng cơ hội để phát triển bản thân; cách hành xử đúng mực, văn minh trên cộng đồng mạng, và cách bảo vệ bản thân trước những rủi ro và tác hại tiêu cực của môi trường số.
4.4	ECO1113	Công dân toàn cầu		Học phần trình bày cho sinh viên những vấn đề cơ bản liên quan đến công dân toàn cầu. Sinh viên có thể áp dụng những kiến thức từ học phần để xây dựng lộ trình trở thành công dân toàn cầu và thực hiện các dự án vì cộng đồng. Học phần có các nội dung chính: Toàn cầu hóa; Xã hội; Chính trị; Môi trường; Kỷ nguyên số; Xây dựng lộ trình để trở thành công dân toàn cầu.
4.5	JPN1163	Đặc nhân tâm phong cách Nhật Bản	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách cư xử, ứng xử và giao tiếp với mọi người để đạt được thành công trong cuộc sống của người Nhật. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học hiểu rõ bản thân, thành thật với chính mình, hiểu biết và quan tâm đến những người xung quanh để nhìn ra và khơi gợi những tiềm năng ẩn khuất, giúp phát triển bản thân lên một tầm cao mới.
4.6	JPN1108	Đất nước học Nhật Bản	3	Học phần cung cấp những thông tin chi tiết về nhiều khía cạnh của đất nước Nhật Bản, như địa lí, lịch sử, kinh tế, chính trị, xã hội, ngoại giao,... Ngoài ra, nội dung học phần còn đề cập đến nhiều vấn đề mang tính chất vĩ mô đất nước Nhật Bản: giao thông, thương mại, quốc phòng,... Thông qua học phần, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về đất nước, con người Nhật Bản với những nét văn hóa, truyền thống độc đáo, góp phần tăng thêm sự hiểu biết quốc tế tốt hơn thông qua các mô tả chân thực, đầy quyền rũ của Nhật Bản.
4.7	CHI1122	Đất nước học Trung Quốc	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về đất nước và con người Trung Quốc, giúp sinh viên khái quát về những nét đặc trưng ở các lĩnh vực của Trung Quốc. Nội dung

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				học phần phong phú, các chủ đề đa dạng, bao gồm các lĩnh vực địa lý, lịch sử, dân số, chính trị, kinh tế, giáo dục, tư tưởng, tôn giáo, nghệ thuật Trung Quốc...
4.8	ECO1108	Địa lý kinh tế thế giới	3	Học phần giới thiệu cho người học hiểu về hệ thống lãnh thổ kinh tế - xã hội thế giới; mối quan hệ tương tác chủ yếu trong và giữa các quốc gia phát triển và đang phát triển trên thế giới trong thời kỳ hiện đại như những đặc điểm phát triển kinh tế nổi bật của các khu vực trên thế giới, những biến động chính trị, xã hội tác động đến kinh tế của từng khu vực trong bối cảnh toàn cầu hóa. Học phần cũng sử dụng biện pháp minh họa bằng bản đồ kinh tế - chính trị - xã hội và những thay đổi đáng kể gần đây đối với từng khu vực trong nền kinh tế thế giới.
4.9	PSY1137	Giáo dục sức khỏe tinh thần	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và thái độ cơ bản nhất liên quan đến sức khỏe tinh thần như: Tổng quan sức khỏe tinh thần; Một số rối loạn tinh thần thường gặp; Định kiến và kỳ thị về sức khỏe tinh thần; Bối cảnh xã hội của rối loạn tinh thần; Sức khỏe tinh thần ở cộng đồng; Sức khỏe tinh thần ở sinh viên; Đa dạng tính dục; Chăm sóc sức khỏe tinh thần. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể chủ động trong việc nhận diện, phòng ngừa, chăm sóc sức khỏe tâm thần của bản thân và người khác.
4.10	BUS1115	Khởi nghiệp	3	Học phần được thiết kế dành cho hệ cơ bản về những nguyên tắc và kiến thức cốt lõi khi khởi nghiệp. Học xong học phần này, sinh viên có thể tự thiết kế, xây dựng và điều hành một công ty hoặc dự án nhỏ. Ngoài ra, học phần giúp người học hiện thực hóa được những ý tưởng kinh doanh để từ đó tạo dựng được một quy trình kinh doanh nhỏ bắt đầu từ ý tưởng sáng tạo.
4.11	LAW1195	Luật công bằng và tín thác	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc công bằng (equity) và luật tín thác (trust), cung cấp kiến thức đầy đủ về các khái niệm, nguyên tắc và ứng dụng của công bằng và tín thác trong hệ thống pháp luật. Học phần tập trung vào các nội dung sau: (i) Nghiên cứu về nguồn gốc và sự phát triển của công bằng và tín thác; (ii) Nghiên cứu về các loại hình tín thác, cách thức thành lập và quản lý tín thác; (iii)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				Nghiên cứu về quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong tín thác; (iv) Nghiên cứu về các biện pháp bảo vệ quyền lợi trong công bằng, bao gồm các biện pháp khắc phục công bằng và trách nhiệm ủy thác (fiduciary duties).
4.12	LAW1111	Luật thương mại	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động thương mại và dịch vụ, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật có liên quan đến thương nhân. Pháp luật về các hoạt động thương mại theo pháp luật Việt Nam, bao gồm những nội dung cơ bản sau: khái niệm về thương nhân và về các hoạt động thương mại; các hoạt động thương mại cụ thể; quyền và nghĩa vụ của các thương nhân trong hoạt động thương mại; các chế tài trong hoạt động thương mại.
4.13	LAW1116	Luật quốc tế	3	Học phần cung cấp những kiến thức sau: Nguồn gốc, khái niệm, đặc trưng, cấu trúc, quy phạm và bản chất của luật quốc tế; Phân biệt luật quốc tế và luật quốc gia; Mối quan hệ biện chứng giữa luật quốc tế với luật quốc gia; Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; Hệ thống và đặc điểm của nguồn luật quốc tế; Những nội dung cơ bản về dân cư, lãnh thổ- biên giới quốc gia; Những nội dung cơ bản về luật biển quốc tế, luật ngoại giao- lãnh sự
4.14	GPD1135	Nghệ thuật học cơ bản	3	Học phần nhằm truyền cảm hứng, mong muốn thưởng thức, cảm thụ nghệ thuật cho sinh viên. Phát triển sự hiểu biết cơ bản về 7 loại hình nghệ thuật: Kiến trúc, Hội họa, Điêu khắc, Âm nhạc, Văn học, Sân khấu, Điện ảnh. Những kiến thức này giúp gia tăng trí tuệ cảm xúc, góp phần tạo ra một đời sống cân bằng cho sinh viên trong quá trình hoạt động nghề nghiệp. Qua học phần, sinh viên sẽ có một đời sống tinh thần phong phú, phát triển thêm những kỹ năng mềm giúp ích cho nghề nghiệp sau này.
4.15	HRM1111	Nghệ thuật lãnh đạo	3	Học phần giới thiệu sự tương quan giữa quản lý và lãnh đạo. Những yêu cầu và phẩm chất cần thiết để trở thành nhà lãnh đạo nhóm, lãnh đạo tổ chức. Các phong cách lãnh đạo: phong cách dân chủ, phong cách độc đoán, phong cách tự do. Nhấn mạnh tính nghệ thuật trong lãnh đạo với những đặc trưng như: tính sáng tạo-độc đáo, tính

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				linh hoạt, tính tổng hợp, tính hiệu quả thực tế, tính khoa học và các nội dung cơ bản của nghệ thuật lãnh đạo như: nghệ thuật điều hành, nghệ thuật giao tiếp, nghệ thuật động viên-khích lệ, nghệ thuật sử dụng quyền lực, nghệ thuật dùng người, nghệ thuật tùy cơ ứng biến... Học phần cũng đề cập đến vai trò, trách nhiệm của người lãnh đạo nhóm: trách nhiệm đối với cá nhân, trách nhiệm đối với công việc, trách nhiệm đối với nhóm và thể hiện vai trò lãnh đạo nhóm. Phân biệt quyền hạn và quyền lực, nghệ thuật giao quyền và ủy quyền công việc hiệu quả. Giới thiệu nghệ thuật phát hiện, lựa chọn và sử dụng nhân tài; một nhiệm vụ rất quan trọng đối với người làm công tác quản lý.
4.16	HMM1137	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp	3	Học phần trang bị những kiến thức và kỹ năng liên quan đến phong cách, trang phục, hình thể. Bên cạnh đó, học phần còn giúp người học phát triển được những kỹ năng liên quan đến xây dựng hình ảnh cá nhân, lựa chọn trang phục, giao tiếp với đồng nghiệp và khách hàng, nói chuyện qua điện thoại, ngôn ngữ biểu cảm, kiểm soát cảm xúc, kỹ năng đi đứng nhẹ nhàng....nhằm tạo dựng cho từng cá nhân hình ảnh chuyên nghiệp và tạo ấn tượng nơi làm việc, góp phần nâng cao hiệu quả công việc và tăng sự hài lòng cho đồng nghiệp, đối tác và khách hàng. Từ đó, đáp ứng được yêu cầu cơ bản đối với những nhân sự làm việc trong ngành dịch vụ.
4.17	IRE1130	Nghịệp vụ ngoại giao	3	Học phần cung cấp cho sinh viên một số công tác của nghiệp vụ ngoại giao như công tác lễ tân ngoại giao, công tác lãnh sự, công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại, công tác tiếp xúc, đàm phán ngoại giao, công tác nghiên cứu ngoại giao; Người học sẽ được trang bị các kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hoạt động lễ tân ngoại giao của các quốc gia cũng như của Việt Nam. Môn học gồm 4 nhóm vấn đề chính: (1) Khái quát về lễ tân ngoại giao; (2) Ngồi thứ và cách sắp xếp vị trí trong lễ tân ngoại giao; (3) Nghi thức ngoại giao; (4) Tiệc ngoại giao và cách tổ chức.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
4.18	DAS1125	Nhập môn chuyển đổi số	3	Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về xu hướng chuyển đổi số trên thế giới và Việt Nam, định nghĩa và khái niệm chuyển đổi số cho doanh nghiệp, lộ trình chuyển đổi số cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các công cụ đánh giá mức độ sẵn sàng trong chuyển đổi số của doanh nghiệp vừa và nhỏ, và các giải pháp công nghệ theo lộ trình chuyển đổi số.
4.19	IRE1108	Những vấn đề toàn cầu	3	Học phần cung cấp bức tranh toàn cảnh về các vấn đề toàn cầu hiện nay trên thế giới. Học phần đi sâu giới thiệu về những vấn đề toàn cầu nổi bật hiện nay trên thế giới cũng như đối với Việt Nam như vũ khí huỷ diệt hàng loạt, môi trường, dân số, tội phạm quốc tế, năng lượng, đói nghèo,... Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về các vấn đề toàn cầu từ khái niệm, phân loại, quá trình hình thành và phát triển, thực trạng hiện nay, tình hình và các phương thức hợp tác quốc tế, thuận lợi và khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu. Học phần cũng giới thiệu cơ sở lý luận về vấn đề toàn cầu như khái niệm và phân loại, nền tảng quy định tính toàn cầu của vấn đề, các lý thuyết và quan niệm khác nhau trong từng vấn đề toàn cầu. Qua đó, môn học góp phần trang bị cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế.
4.20	DAS1124	Phân tích dữ liệu ứng dụng	3	Học phần giới thiệu các kỹ thuật và tư duy phân tích dữ liệu cơ bản qua các ứng dụng cụ thể. Cụ thể học phần sẽ trình bày về các phương pháp phân tích dữ liệu sử dụng Excel và áp dụng trong các lĩnh vực cụ thể như kinh tế-kinh doanh, tài chính, marketing, bất động sản, ... Qua đó sẽ khai phá được những thông tin hữu ích của dữ liệu, mang đến nhiều lợi ích cho tổ chức, doanh nghiệp.
4.21	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp	3	Học phần Pháp luật doanh nghiệp là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và những quy định pháp luật về doanh nghiệp; cung cấp cho sinh viên kiến thức đầy đủ về mô hình doanh nghiệp, thủ tục thành lập doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp,

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				giải thể và phá sản doanh nghiệp. Theo đó, học phần tập trung vào những nội dung cơ bản sau: • Nghiên cứu về điều kiện thành lập, tổ chức, quản lý và tài chính của các chủ thể kinh doanh. • Nghiên cứu về dấu hiệu phá sản doanh nghiệp; Giải quyết phá sản doanh nghiệp, theo quy định của pháp luật. Nghiên cứu về giải thể, các cách thức tổ chức lại doanh nghiệp.
4.22	IRE1151	Phát triển bền vững	3	Học phần Phát triển bền vững ngày càng quan trọng, phản ánh sự nhận thức ngày càng tăng về nhu cầu tiếp cận phát triển toàn diện và bền vững. Học phần này có tính liên ngành cao, trang bị cho sinh viên kiến thức và hiểu biết về các nguyên tắc, thách thức và giải pháp tiềm năng của phát triển bền vững, được tích hợp phù hợp với nhiều chuyên ngành khác nhau. Học phần giới thiệu các khái niệm cốt lõi như sự kết nối của các hệ thống xã hội, kinh tế và môi trường, tầm quan trọng của quản lý tài nguyên cùng nguyên tắc công bằng giữa các thế hệ. Học phần nhấn mạnh các ứng dụng thực tiễn thông qua các nghiên cứu điển hình, dự án và sự tham gia của cộng đồng, cho phép sinh viên áp dụng kiến thức vào các vấn đề thực tế. Sinh viên được khuyến khích phân tích phản biện các vấn đề phức tạp, đánh giá các quan điểm khác nhau và phát triển các giải pháp sáng tạo cho phát triển bền vững. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ có nhận thức sâu sắc về tính cấp thiết của phát triển bền vững, thể hiện trách nhiệm xã hội rõ ràng, nhận diện hiệu quả các vấn đề thực tiễn và chủ động hành động một cách có ý thức.
4.23	FIN1152	Quản lý tài chính cá nhân	3	Trong trong bối cảnh cuộc sống thay đổi nhanh chóng như hiện nay, con người ngày càng thường xuyên phải đối mặt với những biến động diễn ra ngoài dự kiến như: nền kinh tế suy thoái, phá sản, thất nghiệp, tử vong đột ngột...làm những mục tiêu tương lai có nguy cơ khó thành hiện thực. Quản lý tài chính tài chính trở nên một công việc vô cùng cần thiết, giúp cá nhân có sự chuẩn bị

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				vững chắc trong tương lai và đem lại sự cân bằng ổn định trong cuộc sống. Quản lý tài chính giúp cá nhân xây dựng định hướng trong những lĩnh vực quan trọng: từ lựa chọn nghề nghiệp, lập kế hoạch ngân sách, danh mục đầu tư tài chính cá nhân đến lập kế hoạch cho tuổi già, tuổi nghỉ hưu... Một tình hình tài chính lành mạnh sẽ giúp cá nhân chủ động trong những quyết định, đạt được những mục tiêu đã đề ra, và được bảo vệ an toàn hơn trước những biến cố. Học phần này nghiên cứu những khái niệm, nguyên tắc, công cụ và phương pháp vận dụng kiến thức quản lý tài chính cá nhân trong một số lĩnh vực chính của cuộc sống nhằm xây dựng nền tảng tài chính vững chắc trong tương lai. Nội dung cốt lõi của học phần này bao gồm 3 phần: (1) lên kế hoạch tài chính cá nhân; (2) quản lý tài sản cá nhân, tín dụng, bảo hiểm, đầu tư; và (3) là hoạch định cho tuổi già, tuổi hưu trí và di sản.
4.24	IBU1115	Quản trị chiến lược toàn cầu	3	Học phần giúp sinh viên hiểu được động lực thúc đẩy toàn cầu hóa tập hợp các khía cạnh quản lý chiến lược toàn cầu ở các công ty toàn cầu. Đồng thời cung cấp kiến thức và kỹ năng quản lý chiến lược thực tế cho sinh viên phải đối mặt với việc toàn cầu hóa của doanh nghiệp, đối phó với những vấn đề quản lý toàn cầu.
4.25	PSY1103	Tâm lý giao tiếp	3	Học phần cung cấp những kiến thức căn bản, nền tảng về tâm lý học; Nhận diện các hiện tượng tâm lý người; hiểu biết về sự đa dạng phong phú trong đời sống tâm lý con người; Nắm vững các quy luật hình thành hiện tượng tâm lý người; Nhận thức các yếu tố khách quan và chủ quan quy định nên tâm lý người; Cung cấp những kiến thức lí luận về giao tiếp và ứng xử (khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò và những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng đến giao tiếp- ứng xử); Cấu trúc của hành vi giao tiếp, những hình thức và phương tiện giao tiếp - ứng xử; Bản chất của giao tiếp; Kỹ năng và hiệu quả trong giao tiếp ứng xử.
4.26	ADS1101	Thuyết trình sáng tạo	3	Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết và thực hành các kỹ thuật trình bày vấn đề, thể hiện ý tưởng, thuyết phục người nghe, nhằm giúp người học làm chủ quá trình trình bày các ý tưởng quảng cáo, các giải pháp và kế hoạch, chiến lược

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				quảng cáo, thuyết phục khách hàng. Học phần bao gồm các phần từ xác định mục tiêu, sáng tạo ý tưởng, chuẩn bị nội dung, chuẩn bị phương tiện, kỹ thuật trình bày và các công nghệ hỗ trợ. Học phần nhấn mạnh đến sự kết hợp giữa tính sáng tạo, độc đáo trong ý tưởng quảng cáo và tính sáng tạo, hiệu quả trong phương thức trình bày, thuyết phục; nhằm tạo ra những phần trình bày ấn tượng, hỗ trợ tích cực cho các hoạt động thương mại: chào bán sản phẩm, trình bày, đàm phán thương lượng... trong lĩnh vực quảng cáo.
4.27	DMK1114	Tư duy thẩm mỹ	3	Học phần giúp người học bồi dưỡng năng lực tư duy thẩm mỹ, không chỉ trong phạm vi nghệ thuật, mà còn là ở tất cả các lĩnh vực khác trong đời sống. Người học sẽ được tiếp cận và nắm bắt được khái niệm về giá trị thẩm mỹ từ các hoạt động vui chơi giải trí đến hoạt động lễ hội, văn hoá, thể thao, hay ngay cả hoạt động lao động sản xuất, giáo dục, y tế, quân sự,... Môn học còn trang bị cho người học kiến thức mỹ học trong đa dạng ngành nghề và tạo điều kiện để người học phát triển tư duy thẩm mỹ của bản thân trong tương lai.
4.28	TOU1145	Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách sạn	3	Học phần được thiết kế để giúp sinh viên nâng cao kỹ năng và kiến thức về văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách sạn. Sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản đến nâng cao về ứng xử tại bàn tiệc, cách sử dụng các dụng cụ ăn uống một cách lịch sự và chuyên nghiệp, cũng như các kỹ năng giao tiếp và ngoại giao trong môi trường xã hội và kinh doanh. Học phần còn giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các chuẩn mực văn hóa khác nhau liên quan đến ăn uống và giao tiếp trên bàn tiệc, qua đó hỗ trợ sinh viên phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực tổ chức sự kiện, quản lý nhà hàng, và các ngành nghề liên quan đến dịch vụ khách hàng. Khóa học này hỗ trợ cho các học phần khác trong chương trình đào tạo về quản lý khách sạn và du lịch, cung cấp một nền tảng vững chắc cho những ai xem ngành dịch vụ là nghề nghiệp tương lai.
4.29	SOS1108	Văn hoá các nước Đông	3	Học phần giới thiệu một cách hệ thống những thông tin cơ bản về diện tích, dân số, đặc điểm lịch sử, cộng đồng dân cư và văn hóa, tình hình

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
		Nam Á		phát triển kinh tế - xã hội; tìm hiểu các phong tục tập quán và danh lam thắng cảnh, địa điểm du lịch nổi tiếng cũng như bản sắc tộc người và hiện trạng khai thác tiềm năng phát triển du lịch của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. So sánh những nét tương đồng và khác biệt giữa văn hóa khu vực và văn hóa bản địa Việt Nam; đánh giá khả năng hợp tác, phát triển của ngành du lịch ASEAN, hướng đến việc hiện thực hóa Cộng đồng văn hóa - xã hội ASEAN.
4.30	KOR1147	Văn hóa truyền thống Hàn Quốc	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn hóa truyền thống của Hàn Quốc bao gồm văn hóa ứng xử của người Hàn đối với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội như: khái quát về Hàn Quốc (đất nước, con người), lịch sử văn hóa Hàn Quốc, đời sống văn hóa người Hàn. Kiến thức của học phần cung cấp để sinh viên có thể hiểu được văn hóa truyền thống của người Hàn, có thể phân tích, so sánh đặc điểm văn hóa với các nước phương Đông; tìm hiểu điểm giống và khác giữa văn hóa truyền thống Hàn Quốc và Việt Nam để sinh viên gìn giữ bản sắc văn hóa Việt và có ứng xử phù hợp trong các hoạt động giao lưu quốc tế giữa hai nước.
4.31	IRE1138	Văn minh nhân loại	3	Học phần Văn minh nhân loại được thiết kế để đạt được một số mục tiêu: 1) giúp sinh viên làm quen với các thông tin cơ bản về địa lý, lịch sử và văn hóa mà mọi người cần biết để trở thành một công dân toàn cầu hiểu biết của thế giới, 2) tạo nền tảng cho các khóa học sau này trong nhiều lĩnh vực trong đó giả định những kiến thức tổng quát như vậy, 3) minh họa sự đa dạng phong phú mà loài người đã tìm thấy để sống trong các nền văn minh và 4) kích thích sự tò mò của bạn để tìm hiểu thêm. Xin lưu ý rằng đây không phải là một khóa học lịch sử truyền thống. Điều này có nghĩa là các nội dung học phần về văn học, kiến trúc, nghệ thuật và âm nhạc không chỉ đơn thuần là bổ sung, mà là một phần cốt lõi của khóa học. Chúng tôi sẽ nhấn mạnh các chủ đề và khuôn mẫu văn hóa hơn là các sự kiện và trình tự thời gian. Bạn sẽ được yêu cầu ghi nhớ rất ít ngày tháng; nhưng bạn sẽ phải theo dõi và so sánh các khái niệm giữa các nền văn minh khác nhau.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
5. Thực tập thực tế				
5.1	ENC1322	Thực tập tốt nghiệp	3	Chương trình thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc. Học phần này giúp sinh viên: Tham gia vào hoạt động thực tế của ngành, chuyên ngành nhằm thực hành kỹ năng nghề nghiệp cũng như rèn luyện thái độ làm việc chuyên nghiệp, phát triển các mối quan hệ nhằm chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai; Vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc quan sát, mô tả hoạt động của đơn vị thực tập; Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả làm việc của mình dưới hình thức một bản Báo cáo thực tập tốt nghiệp. <i>Chuyên ngành Giảng dạy Tiếng Anh</i> • Hiểu và mô tả được các hoạt động đào tạo của trường học, trung tâm ngoại ngữ sinh viên tham gia thực tập; • Thiết kế bài giảng và trợ giảng hoặc đứng lớp theo hướng dẫn và phân công của chuyên viên tại đơn vị thực tập và giáo viên hướng dẫn; • Phát triển các kỹ năng quản lý lớp học, tạo động lực cho sinh viên, giao tiếp trên lớp học, phối hợp với chuyên viên hướng dẫn trong các hoạt động đào tạo; • Phát triển kỹ năng trình bày một báo cáo nghiên cứu thực tế. <i>Chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Anh:</i> • Hiểu và mô tả được quy trình tiếp nhận văn bản dịch thuật, quy trình dịch, chỉnh sửa và kiểm tra độ chính xác của bản dịch tại đơn vị thực tập; • Phát triển các kỹ năng biên phiên dịch thông qua các hoạt động thực hành biên phiên dịch tại đơn vị thực tập; • Xác định được mảng dịch thuật chuyên sâu để đầu tư cho công việc tương lai; • Phát triển kỹ năng trình bày một báo cáo nghiên cứu thực tế. <i>Chuyên ngành Tiếng Anh Thương mại</i> • Hiểu và mô tả được những đặc trưng, cơ cấu tổ chức quản lý, chức năng và nhiệm vụ các

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				bộ phận trong đơn vị thực tập; - Mô tả được những quy trình nghiệp vụ cụ thể/ quy trình làm việc của một thư ký, trợ lý, nhân viên văn phòng tại các đơn vị thực tập; - Biết, hiểu và vận dụng được những kỹ năng làm việc, kỹ năng chuyên môn tại một bộ phận nghiệp vụ phù hợp ngành, chuyên ngành đào tạo; - Phát triển kỹ năng trình bày một báo cáo nghiên cứu thực tế. <i>Chuyên ngành Tiếng Anh truyền thông</i> - Phát triển kiến thức nền tảng về tin/phóng sự; - Viết tin/phóng sự cho các cơ quan báo chí, các công ty, doanh nghiệp; - Hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong tổ chức, xu hướng của tiếp thị trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing; - Phát triển kiến thức về xây dựng nội dung truyền thông, nghiên cứu mối quan hệ giữa tổ chức, doanh nghiệp với các nhóm công chúng bên trong và bên ngoài tổ chức.
5.2	ENC1414	Khóa luận tốt nghiệp	6	Học phần giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động ngành, chuyên ngành được đào tạo. Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một đề tài tốt nghiệp. Học phần này có mục tiêu giúp sinh viên: - Có khả năng phát hiện một vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn. Vấn đề nghiên cứu có thể gắn với hoạt động của đơn vị thực tập tốt nghiệp cũng có thể là một vấn đề vĩ mô gắn với hoạt động của ngành, chuyên ngành được đào tạo. Biết nhận diện và xác định: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu; Đối tượng nghiên cứu, Phạm vi nghiên cứu, Câu hỏi nghiên cứu cho các mục tiêu nghiên cứu cụ thể. Đồng thời xây dựng kế hoạch nghiên cứu vấn đề đã được xác định; - Có thể tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết (nghiên cứu trước) có liên quan vấn

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				đề nghiên cứu đã xác định (Literature Review). Biết xây dựng danh mục tài liệu trích dẫn (References); - Có thể tổng hợp, phân tích vấn đề nghiên cứu đã xác định. Biết vận dụng các hình thức thu thập dữ liệu, sử dụng các công cụ xử lý dữ liệu phù hợp. Từ đó, có thể đánh giá thực trạng, phát hiện và đề xuất giải quyết những vấn đề bất cập của đối tượng nghiên cứu. - Phát triển phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu.
5.3	ENC1128E	Biên dịch nâng cao	3	Học phần giúp hiểu sâu về yêu cầu và xu hướng pháp triển của lĩnh vực dịch thuật, bao gồm việc bản địa hóa nội dung dịch, khía cạnh đạo đức trong nghề dịch, sử dụng công nghệ trong ngành dịch thuật, dịch thuật đa ngành và các thách thức, cơ hội của ngành dịch thuật trong thời đại mới. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ hơn về lĩnh vực dịch thuật và có những định hướng nghề nghiệp cho tương lai. Bên cạnh đó, sinh viên có cơ hội thực hành dịch thuật các tài liệu tương đối phức tạp thuộc các lĩnh vực giải trí, truyền thông, thương mại và công nghệ.
5.4	LIN1105E	Nhập môn ngôn ngữ học ứng dụng	3	Học phần giúp sinh viên ứng dụng kiến thức ngôn ngữ học vào các lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là giảng dạy và biên - phiên dịch tiếng Anh. Học phần giới thiệu các khái niệm cơ bản trong lĩnh vực đào tạo ngôn ngữ, quá trình lĩnh hội ngôn ngữ, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy tiếng Anh, vai trò của đánh giá kỹ năng tiếng, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, giao tiếp thương mại và vận dụng kiến thức ngôn ngữ trong biên phiên dịch.
6. Kiến thức không tích lũy				
6.1. Giáo dục thể chất				Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, các kỹ thuật, phương pháp tập luyện nhằm rèn luyện và nâng cao sức khỏe, thẩm mỹ. Người học có thể chọn các học phần yêu thích để tập luyện phù hợp với thể lực của bản thân như: Thể hình thẩm mỹ (GYM), Aerobic, Boxing, Vovinam, DanceSport.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
		6.2. Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)		Học phần trang bị cho người học hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng. Môn học được phân thành 04 phần: phần 1- Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, phần 2- Công tác quốc phòng an ninh, phần 3- Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn, phần 4- Hiểu biết chung về quân, binh chủng.

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo được tổ chức thực hiện theo kế hoạch giảng dạy và học tập từng năm học của Trường.

2. Một số học phần đặc biệt, thể hiện bản sắc riêng của UEF, được tổ chức đào tạo theo định hướng sau:

- Đào tạo các học phần ngoại ngữ 2: Các học phần Ngoại ngữ 2 gồm tiếng Nhật/Pháp/Hàn/Trung 1 đến tiếng Nhật/Pháp/Hàn/Trung 4 được bố trí từ học kỳ 1 của năm 2 trở đi. Ở giai đoạn này, sinh viên đã xây dựng nền tảng kiến thức và kỹ năng thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ Anh khá vững chắc và sẵn sàng tiếp cận ngoại ngữ khác. Chương trình ngoại ngữ 2 gồm 04 học phần với lựa chọn ngoại ngữ đa dạng, gồm tiếng Nhật, tiếng Pháp, tiếng Hàn và tiếng Trung. Sinh viên sẽ hoàn thành 04 học phần Ngoại ngữ 2 trong năm hai và tiếp tục rèn luyện thêm trong các năm tiếp theo để khi tốt nghiệp sinh viên có thể sử dụng tốt ngoại ngữ 2 trong quá trình thực hiện các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.

- Đào tạo kỹ năng: Học phần Project Design 1 được giảng dạy ở năm thứ nhất, Project Design 2 được giảng dạy ở năm thứ hai, hình thành cho sinh viên phương pháp, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy, phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua một dự án. Trên cơ sở đó giúp sinh viên phát triển các kỹ năng qua các học phần chuyên môn ở các học kỳ năm học tiếp theo; đồng thời giúp phát triển tối đa năng lực tự học, tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề thực tế của sinh viên, nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội thông qua các chủ đề xoay quanh các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs), thúc đẩy năng lực học tập suốt đời.

- Đào tạo chuyên môn định hướng nghề nghiệp: Từ HK1 năm thứ nhất, sinh viên được tiếp cận các học phần nhập môn, học phần cơ sở ngành và được tiếp cận với các lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn thông qua các hoạt động tham quan, kiến tập, hội thảo chuyên đề... Ở học kỳ cuối sinh viên phải tham gia thực tập tốt nghiệp bắt buộc (toàn thời gian tại đơn vị thực tập, tối thiểu 12 tuần) và chọn thực hiện khóa luận tốt nghiệp, hoặc chuyên đề tốt nghiệp, hoặc học thay thế bằng 2 học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

- Đối với các chuyên ngành hẹp, Khoa tiếng Anh thiết kế các học phần bám sát thực tiễn nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động nhằm giúp sinh viên không chỉ nắm vững kiến thức chuyên môn mà còn phát triển các kỹ năng nghiệp vụ thiết yếu phục vụ cho công việc sau khi tốt nghiệp. Các chuyên ngành Giảng dạy tiếng Anh và Biên phiên dịch tiếng Anh do giảng viên giàu kinh nghiệm của Khoa tiếng Anh phụ trách. Các chuyên ngành Tiếng Anh Thương mại và Tiếng Anh Truyền thông do giảng viên các khoa chuyên môn đảm nhận. Việc này đảm bảo sinh viên được tiếp cận kiến thức chuyên môn từ các chuyên gia, giảng viên đúng ngành đào tạo và có kinh nghiệm làm việc thực tiễn phong phú. Tất cả các học phần chuyên ngành hẹp đều được giảng dạy bằng tiếng Anh giúp sinh viên có thể giao tiếp tự tin trong lĩnh vực chuyên môn.

3. Các học phần trong chương trình đào tạo được phân định quản lý theo chuyên môn cho các đơn vị khoa/ viện/ trung tâm (gọi chung là đơn vị quản lý học phần) theo Quy định về phân định quản lý sinh viên và học phần hiện hành của Trường

4. Việc thiết kế các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá, phân tích kết quả học tập của sinh viên được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Trường về việc lựa chọn phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ đại học.

5. Các học phần được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất được Hiệu trưởng ban hành.

6. Việc tổ chức giảng dạy và học tập, kiểm tra, đánh giá học phần, xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần và các quy chế, quy định có liên quan khác của Trường.

7. Đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định của Trường. Đơn vị quản lý học phần phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của học phần theo quy định của Trường.

8. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định tại Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, ban hành theo Quyết định số 714/QĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng

9. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật mỗi 02 năm một lần; kết quả rà soát, đánh giá được đơn vị quản lý chương trình áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

10. Trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo, nếu phát sinh yêu cầu cần thiết phải điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải làm tờ trình nêu rõ căn cứ/ lý do của việc điều chỉnh, phạm vi áp dụng, thời điểm bắt đầu áp dụng, nội dung đề nghị điều chỉnh và dự kiến tác động của việc điều chỉnh chương trình đào tạo; kèm theo biên bản họp Hội đồng khoa và các minh chứng cần thiết khác. Việc đề xuất điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo không được làm ảnh hưởng đến kế hoạch đào tạo của học kỳ hiện tại. Phòng Đào tạo tiếp nhận tờ trình từ đơn vị quản lý chương trình đào tạo, rà soát và có ý kiến, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

11. Khi có thay đổi về giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo hoặc theo yêu cầu điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần phải được rà soát và cập nhật. Đơn vị quản lý học phần phối hợp với đơn vị quản lý chương trình đào tạo tổ chức việc rà soát, cập nhật, ghi rõ thời điểm áp dụng đề cương chi tiết mới cập nhật. Đề cương chi tiết sau khi hoàn tất cập nhật được gửi cho Phòng Đào tạo rà soát, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

12. Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo./.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Giang